

Số: 56 /TCT-KTN

Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2026

V/v lấy ý kiến về hồ sơ, đề xuất phương án cụ thể xử lý đối với 22 dự án mỏ khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước, gồm: 19 mỏ chấm dứt hoạt động, thu hồi để đấu giá lại và 03 mỏ đã cấp phép thăm dò trước 01/7/2011.

Kính gửi:

- Giám đốc Sở Tài chính – Tổ phó Tổ Công tác;
- Các Thành viên Tổ công tác theo Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Tổ Công tác rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng trên địa bàn tỉnh Bình Phước cũ theo Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh (sau đây gọi tắt là Tổ Công tác 1031) nhận được Báo cáo số 512/BC-SNNMT ngày 18/3/2026; Báo cáo số 515/BC-SNNMT ngày 18/3/2026 và Báo cáo số 516/BC-SNNMT ngày 18/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực UBND tỉnh tại Thông báo số 78/TB-UBND ngày 05/3/2026 về kết luận phiên họp Thường trực UBND tỉnh ngày 02/3/2026.

Tổ Công tác 1031 tỉnh kính gửi đến đồng chí Thành viên Dự thảo báo cáo rà soát hồ sơ pháp lý và biện pháp xử lý đối với 19 khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ) và Dự thảo báo cáo rà soát pháp lý và đề xuất phương án xử lý đối với 03 Mỏ đá được cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác trước ngày 01/7/2011 do Sở Nông nghiệp và Môi trường dự thảo.

Tổ Công tác 1031 kính đề nghị các đồng chí có ý kiến bằng Văn bản hoặc ghi trực tiếp vào bản dự thảo, gửi lại Tổ Công tác 1031 tỉnh **trước ngày 30/3/2026**. Quá thời gian nêu trên, nếu không nhận được ý kiến được xem như thống nhất nội dung thẩm định, rà soát, dự thảo, trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Tổ Công tác 1031 sẽ hoàn chỉnh nội dung báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh theo chỉ đạo./.

Gửi kèm:

- Dự thảo báo cáo rà soát hồ sơ pháp lý và biện pháp xử lý đối với 19 khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ) do Sở Nông nghiệp và Môi trường soạn thảo;
- Dự thảo báo cáo hồ sơ pháp lý và đề xuất phương án xử lý đối với 03 Mỏ đá được cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác trước ngày 01/7/2011 do Sở Nông nghiệp và Môi trường dự thảo;

- Báo cáo số 512/BC-SNNMT ngày 18/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc rà soát hồ sơ pháp lý và biện pháp xử lý đối với 19 khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ);

- Báo cáo số 515/BC-SNNMT ngày 18/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc rà soát hồ sơ pháp lý và biện pháp xử lý đối với Mỏ đá Mũi Tàu của Công ty cổ phần đá Núi Gió và Mỏ đá của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước;

- Báo cáo số 516/BC-SNNMT ngày 18/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc rà soát hồ sơ pháp lý và biện pháp xử lý đối với Mỏ đá cấp phép khai thác cho Công ty Cổ phần Khai khoáng và Phát triển Rạng Đông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Chánh Văn phòng, Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT; KTN;

Trí-TCT1031



**TỔ CÔNG TÁC 1031
TỔ TRƯỞNG**

Lê Trường Sơn

BÁO CÁO

Về việc rà soát hồ sơ pháp lý và đề xuất phương án xử lý đối với 03 Mỏ đá
được cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác trước ngày 01/7/2011

DỰ THẢO

Kính gửi:

- UBND tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thành lập Tổ công tác rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ).

Căn cứ Công văn số 1244/BTC-PTHT ngày 30/01/2026 của Bộ Tài chính về việc thông báo danh mục các dự án khó khăn, vướng mắc các bộ, địa phương đề xuất áp dụng cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội trên Hệ thống 751;

Căn cứ Thông báo số 78/TB-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh về thông báo Kết luận phiên họp Thường trực UBND tỉnh ngày 02/3/2025.

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1634/STC-KTN ngày 07/2/2025 về việc báo cáo đề xuất nội dung cụ thể để giải quyết các vấn đề khó khăn vướng mắc của các dự án tồn đọng theo các văn bản mới do Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính chỉ đạo, thông báo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo số 515/BC-SNNMT ngày 18/3/2026 về việc rà soát hồ sơ pháp lý và biện pháp xử lý đối với Mỏ đá Mũi Tàu của Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ và Mỏ đá của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước và Báo cáo số 516/BC-SNNMT ngày 18/3/2026 về việc rà soát hồ sơ pháp lý và biện pháp xử lý đối với Mỏ đá cấp phép khai thác cho Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông.

Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND của UBND tỉnh kính báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh kết quả rà soát, tham mưu, đề xuất phương án xử lý đối với 03 Mỏ đá được cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác trước ngày 01/7/2011, cụ thể như sau:

A. ĐỐI VỚI MỎ ĐÁ MŨI TÀU CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ NÚI NHỎ VÀ MỎ ĐÁ CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ AN PHÚ VINH BÌNH PHƯỚC.

1. Thủ tục pháp lý.

a) Mỏ đá Mũi Tàu của Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ.

(1). Mỏ đá Mũi Tàu đã được Bộ Công nghiệp cấp phép thăm dò cho Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương và được phê chuẩn báo cáo tính trữ lượng tại

Quyết định số 2012/QĐ-CNCL ngày 08/11/1997 của Bộ Công nghiệp. Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương được UBND tỉnh Bình Phước cấp giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng số 43/GP-UB Ngày 08/09/2004, với diện tích 51,5ha, trữ lượng khai thác 18.800.000 m³, độ sâu khai thác 40m, công suất khai thác 300.000 m³/năm (giai đoạn 2005-2010) và 500.000 m³/năm (giai đoạn 2010-2034), thời gian khai thác là 30 năm.

- Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ được thành lập pháp nhân doanh nghiệp thay cho Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương khai thác khoáng sản đá xây dựng tại mỏ đá Mũi Tàu kể từ ngày 01/12/2006, được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận tại Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 22/12/2006.

- Về tình hình hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép số 43/GP-UB ngày 08/09/2004: Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ đã đưa mỏ vào hoạt động khai thác từ năm 2008 đến nay..

(2) Ngày 21/12/2016, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đá xây dựng tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước của Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ. Thực hiện quy trình cấp phép thăm dò theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP, Sở Tài Nguyên và Môi trường đã Niêm yết, thông báo lựa chọn tổ chức thăm dò khoáng sản tại Trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường và trang thông tin điện tử của Sở (tại Thông báo số 56/TB-STNMT ngày 22/12/2016).

- Kết thúc 30 ngày niêm yết theo quy định, Sở Tài Nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh thuận chủ trương thăm và lựa chọn tổ chức thăm dò khoáng sản tại Công văn số 899/STNMT-KS ngày 25/4/2017 và được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận tại Công văn 1837/UBND-KT ngày 07/6/2017; cấp Giấy phép thăm dò số 51/GP-UBND ngày 05/7/2017. Diện tích khu vực thăm dò 51,5 ha.

- Dự án được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xuống sâu đến cote – 20 và điều chỉnh nâng công suất khai thác – chế biến khoáng sản tại mỏ đá xây dựng Mũi Tàu, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; công suất 1.000.000 m³ đá nguyên khối/năm tương đương 1.421.000 m³ đá nguyên khai/năm tại Quyết định số 3108/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2018. UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án Đầu tư xuống sâu đến cote – 20 và điều chỉnh nâng công suất khai thác – chế biến khoáng sản từ 230.000 m³/ năm (nguyên khối) lên 1.000.000 m³/năm tại Quyết định số 2606/QĐ-BTNMT ngày 13/11/2018. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 51/GPMT-BTNMT ngày 02/3/2023.

Dự án được UBND tỉnh Bình Phước cấp chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 27/12/2018, thời hạn thực hiện dự án là 23 năm và cấp Giấy phép khai thác 01/GP-UBND ngày 08/01/2019 (Cấp lại giấy phép số 43/GP-UBND ngày 08/9/2004); Diện tích khu vực khai thác: 51,5 ha; Trữ lượng đá được phép khai thác: 22.509.268 m³; Công suất khai thác 1.000.000 m³/năm (nguyên khối); thời gian khai thác 23 năm.

b) Mỏ đá Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước.

- Mỏ đá xây dựng tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (cũ) nay thuộc xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cho Công ty TNHH XD CK XD TM Tín Nghĩa Đức thăm dò tại Công văn số 1122/UBND-KT ngày 14/04/2010; cấp phép thăm dò theo Giấy phép số 29/GP-UBND ngày 18/5/2011, diện tích 26 ha.

- Ngày 10/7/2011, UBND tỉnh ban hành Công văn số 2145/UBND-KT về việc Công ty TNHH Quốc Cường Phát và Công ty TNHH XD CK XD TM Tín Nghĩa Đức bàn giao mỏ đá Tân Lập, huyện Đồng Phú lại cho tỉnh để giao cho các đơn vị 2 tỉnh Bình Dương – Bình Phước do Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước làm đại diện cho các cổ đông sáng lập để thành lập Công ty cổ phần thăm dò, khai thác khoáng sản đá xây dựng nhằm phục vụ các công trình kết cấu hạ tầng Khu liên hiệp công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Đồng Phú.

- Ngày 26/12/2011, UBND tỉnh Bình Phước có Công văn số 3983/UBND-KTN về việc chuyển nhượng quyền thăm dò đá xây dựng tại mỏ đá xã Tân Lập, huyện Đồng Phú; theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận cho Công ty TNHH XD CK XD TM Tín Nghĩa Đức tiếp tục thực hiện việc lập báo cáo kết quả thăm dò, trình Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản tỉnh phê duyệt. Sau khi có kết quả phê duyệt trữ lượng, UBND tỉnh sẽ xem xét cấp phép khai thác cho Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước. Khi đó Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước có trách nhiệm hoàn trả chi phí thăm dò cho Công ty TNHH XD CK XD TM Tín Nghĩa Đức.

- Ngày 14/6/2012, UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 1244/QĐ-UBND; Dự án được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 13/7/2018, thời hạn thực hiện dự án là 30 năm. Chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước.

- Ngày 20/03/2019, Tỉnh ủy Bình Phước có Thông báo số 2309-TB/TU kết luận họp Thường trực Tỉnh ủy, trong đó thống nhất chủ trương cho Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước liên doanh đầu tư khai thác mỏ đá tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú. Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước ký hợp đồng liên doanh khai thác khoáng sản tại mỏ đá xã Tân Lập, huyện Đồng Phú với Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh theo hợp đồng số 01/HĐLD-KTKS/2019 ngày 21/03/2019.

Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 38011497498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/03/2019 (Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh 90 % vốn điều lệ, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước 10% vốn điều lệ)

- Mỏ đá xã Tân Lập, huyện Đồng Phú được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường tại Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 (chủ đầu tư là Công ty TNHH

MTV Cao su Bình Phước).

- Ngày 04/9/2020, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Công văn số 3160/UBND-KT về việc chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh nhận kế thừa hồ sơ dự án khai thác, chế biến khoáng sản đá xây dựng và ngày 10/03/2021, UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước theo giấy phép số 18/GP-UBND. Diện tích khai thác 21,54 ha, thời gian khai thác 27 năm; hiện nay, mỏ chưa hoạt động

2. Về tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Ngày 07/9/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND trong đó có **Mỏ đá Mũi Tàu - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ và Mỏ đá Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước** cùng thuộc khu vực quy hoạch số hiệu 130 tại Tân Lập, Đồng Phú (nay là xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai).

Việc phê duyệt khu vực mỏ nêu trên thuộc khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tuân thủ theo quy định tại Khoản 7, Điều 12, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ về tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, cụ thể:

“7. Khu vực hoạt động khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 01 tháng 7 năm 2011”.

Như vậy, Mỏ đá Mũi Tàu - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ cấp phép thăm dò cho và được phê chuẩn báo cáo tính trữ lượng tại **Quyết định số 2012/QĐ-CNCL ngày 08/11/1997** của Bộ Công nghiệp, cấp giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng số **43/GP-UB Ngày 08/09/2004** và Mỏ đá Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước đã được cấp Giấy phép thăm dò số **29/GP-UBND ngày 18/5/2011** đáp ứng theo quy định để khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản là đúng theo quy định của pháp luật.

3. Khó khăn, vướng mắc.

- Tại Thông báo số 164/TB-KTNN ngày 30/6/2021 của Kiểm toán Nhà nước về Kết luận kết quả kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Phước nhận xét (trang 2):

“- Về quy hoạch khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh khoanh định 06/42 khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định”.

Trong 06/42 khu vực nêu trên có khu vực quy hoạch 130 tại Tân Lập, Đồng Phú

- Tuy nhiên, tại Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán giữa Đoàn Kiểm toán và Sở Tài nguyên và Môi trường nêu:

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện tham mưu UBND tỉnh khoanh

định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 07/9/2015, gồm 42 khu vực với tổng diện tích 2.665,5 ha và 35 km đường sông. Qua kiểm tra, rà soát cho thấy Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh khoanh định 06 khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định cụ thể như sau:

- Đối với 04 khu vực chưa được cấp phép khai thác, thăm dò trước 1/7/2011 được khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định khu vực không đấu giá tại Khoản 7, Điều 12, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ "7. Khu vực hoạt động khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 01 tháng 7 năm 2011".

+ Sổ quy hoạch 130 tại Tân Lập, Đồng Phú diện tích 262 ha (Diện tích 102,5 ha đã cấp giấy phép khai thác, thăm dò; Diện tích 159,5 ha chưa được cấp phép khai thác, thăm dò trước 1/7/2011).

Sổ quy hoạch 130 tại Tân Lập, Đồng Phú gồm các mỏ sau:

+ Mỏ đá Mũi tàu của Công ty cổ phần đá núi nhỏ 51,5 ha, giấy phép khai thác số 43/GP-UBND ngày 08/9/2004;

+ Mỏ đá của Công ty TNHH Quốc Cường Phát, diện tích 25 ha, Giấy phép thăm dò số 24/GP-UBND ngày 20/4/2011;

+ Mỏ đá suối Rạch Triết Công ty TNHH Tín Nghĩa Đức (nay là Công ty TNHH An Phú Vinh Bình Phước), diện tích 26 ha, Giấy phép thăm dò số 29/GP-UBND ngày 20/4/2011.

+ UBND tỉnh thuận chủ trương cho Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước thăm dò tại Công văn số 2397/UBND-KTN ngày 15/8/2011, diện tích 106 ha và thuận chủ trương cho Tổng Công ty Thương mại XNK Thanh Lễ TNHH MTV THALEXIM thăm dò tại Công văn số 2398/UBND-KTN ngày 15/8/2011, diện tích 50ha.

Như vậy, tại biên bản làm việc giữa Kiểm toán Nhà nước và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước đã giải trình và xác định khu vực quy hoạch 130 tại Tân Lập, Đồng Phú có 102,5 ha được cấp phép thăm dò trước ngày 01/7/2011 (bao gồm Mỏ đá Mũi Tàu của Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ và Mỏ đá của Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước). Tuy nhiên, Thông báo số 164/TB-KTNN ngày 30/6/2021 của Kiểm toán Nhà nước vẫn Kết luận khu vực quy hoạch 130 tại Tân Lập, Đồng Phú **khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định.**

4. Đề xuất, kiến nghị.

Mỏ đá Mũi Tàu - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ cấp phép thăm dò cho và được phê chuẩn báo cáo tính trữ lượng tại Quyết định số 2012/QĐ-CNCL ngày 08/11/1997 của Bộ Công nghiệp, cấp giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng số 43/GP-UB Ngày 08/09/2004 và Mỏ đá Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước đã được cấp Giấy phép thăm dò số 29/GP-UBND ngày 18/5/2011 đáp ứng theo quy định để khoanh định khu vực không

đầu giá quyền khai thác khoáng sản là đúng theo quy định của pháp luật.

UBND tỉnh Bình Phước đã có Báo cáo số 129/BC-UBND (M) ngày 28/4/2023 gửi Kiểm toán nhà nước Khu vực XIII về Kết luận kết quả kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Phước trong đó giải trình đối với Mỏ đá Mũi Tàu - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ và Mỏ đá Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước; tuy nhiên chưa nhận được ý kiến phản hồi của Kiểm toán nhà nước Khu vực XIII (nay là Khu vực XII).

Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND báo cáo UBND tỉnh đăng ký lịch làm việc với Kiểm toán nhà nước Khu vực XII về Mỏ đá Mũi Tàu - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ và Mỏ đá Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước, trên cơ sở đó thực hiện các bước tiếp theo quy định hiện hành.

B. ĐỐI VỚI MỎ ĐÁ CẤP PHÉP KHAI THÁC CHO CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI KHOÁNG VÀ PHÁT TRIỂN RẠNG ĐÔNG.

1. Thủ tục pháp lý.

- Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông được UBND tỉnh Bình Phước: (1) Thuận chủ trương cho phép thăm dò mỏ đá tại xã Minh Đức, huyện Hớn Quản (nay là xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai) theo Công văn số 3104/UBND-SX ngày 10/12/2007; (2) cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 19/GP-UBND ngày 15/4/2010; (3) phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 14/6/2012; (4) phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường tại Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 và (4) cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 28/GP-UBND ngày 01/7/2015. Theo đó, Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông được khai thác khoáng sản đá xây dựng với trữ lượng khai thác: 7.046.500 m³ và 1.422.502 m³ vật liệu san lấp; diện tích mỏ 22 ha; công suất khai thác 250.000 m³ đá nguyên khối/năm; thời gian khai thác 30 năm.

- Hiện trạng sử dụng đất: Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông được UBND tỉnh Bình Phước cho thuê đất để khai thác khoáng sản, với diện tích 72.787,6m², tại xã Minh Đức, huyện Hớn Quản (nay là xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai); mục đích sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; hình thức cho thuê đất trả tiền hàng năm. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 46/HĐTĐ ngày 16/4/2018 với UBND tỉnh Bình Phước và được cấp GCNQSD đất số CL849998 (số vào sổ CT10685) ngày 26/4/2018. Diện tích còn lại của mỏ (14,73 ha) là đất rừng sản xuất, hiện nay công ty đang thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất hoạt động khoáng sản.

- Ngày 07/9/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đầu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND trong đó có mỏ đá tại xã Minh Đức, huyện Hớn Quản của Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông.

Việc phê duyệt khu vực mỏ nêu trên thuộc khu vực không đầu giá quyền khai thác khoáng sản tuân thủ theo quy định tại Khoản 7, Điều 12, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ về tiêu chí khoanh định khu vực

không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, cụ thể:

“7. Khu vực hoạt động khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 01 tháng 7 năm 2011”.

Như vậy, Mỏ đá xã Minh Đức, huyện Hớn Quản của Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông đã được UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số **19/GP-UBND ngày 15/4/2010** đáp ứng theo quy định để khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản là đúng theo quy định của pháp luật.

2. Khó khăn vướng mắc.

Trường hợp mỏ đá của Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông không thuộc các trường hợp kiến nghị theo Thông báo số 164/TB-KTNN ngày 30/6/2021 của Kiểm toán Nhà nước về Kết luận kết quả kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Phước.

Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Phước tại Công văn số 2588/UBND-KT ngày 19/9/2022 về việc triển khai thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về công tác quản lý nhà nước đối với tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 – 2021; theo đó, giao Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát các giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước năm 2017 còn hiệu lực để xác định đúng trữ lượng được tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016, Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ và các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện.

Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước đã tổng hợp Giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông vào báo cáo gửi UBND tỉnh.

3. Đề xuất, kiến nghị.

- Qua rà soát, trình tự, thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông, Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND nhận thấy hồ sơ cấp phép thực hiện đúng theo quy định hiện hành; khu vực mỏ đá xã Minh Đức cấp cho Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông được khoanh định là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản phù hợp với Khoản 7, Điều 12, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

- Về khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khai thác khoáng sản đối với đất rừng (phần đất còn lại Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông chưa được giao, cho thuê đất): Theo quy định tại điểm khoản 1, Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản năm 2014, tiêu chí khoanh định khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản như sau:

“1. Khu vực cấm hoạt động khoáng sản được khoanh định trên cơ sở một trong các yếu tố sau đây:

a) Kết quả điều tra địa chất về khoáng sản;

b) Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được

khoanh vùng bảo vệ theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Khu vực đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ; khu bảo tồn địa chất, khu bảo tồn biển theo quy định của pháp luật;

d) Khu vực đất quốc phòng, an ninh;

đ) Đất tôn giáo, đất tín ngưỡng;

e) Phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; phạm vi hành lang bảo vệ an toàn hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, đê điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải; công trình năng lượng, dầu khí; công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

2. Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được khoanh định khi có một trong các yêu cầu sau đây:

a) Yêu cầu về quốc phòng, an ninh;

b) Bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đang được Nhà nước xem xét, công nhận hoặc phát hiện trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản; di sản, di tích thuộc danh mục kiểm kê;

c) Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai;

d) Khu vực sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông; khu vực bờ biển bị sạt, lở hoặc có nguy cơ sạt, lở bờ biển.

Diện tích đất còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số 28/GP-UBND ngày 01/7/2015 là đất rừng sản xuất, không thuộc các tiêu chí khoanh định khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh cho phép đưa Mỏ đá của Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 28/GP-UBND ngày 01/7/2015 ra khỏi các dự án có khó khăn, vướng mắc để doanh nghiệp tiếp tục thực hiện các thủ tục về đất và thực hiện khai thác khoáng sản theo quy định hiện hành.

Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND kính báo cáo Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (để b/c);
- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở: TC, NNMT, XD;
- LĐVP;
- Lưu VT.

TỔ TRƯỞNG

Lê Trường Sơn
PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH

BÁO CÁO

Về việc rà soát hồ sơ pháp lý và biện pháp xử lý đối với 19 khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ)

DỰ THẢO

Kính gửi: Đảng ủy UBND tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thành lập Tổ công tác rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng trên địa bàn tỉnh Bình Phước cũ.

Căn cứ Công văn số 1244/BTC-PTHT ngày 30/01/2026 của Bộ Tài chính về việc thông báo danh mục các dự án khó khăn, vướng mắc các bộ, địa phương đề xuất áp dụng cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội trên Hệ thống 751;

Căn cứ Thông báo số 78/TB-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh về thông báo Kết luận phiên họp Thường trực UBND tỉnh ngày 02/3/2025.

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1634/STC-KTN ngày 07/2/2025 về việc báo cáo đề xuất nội dung cụ thể để giải quyết các vấn đề khó khăn vướng mắc của các dự án tồn đọng theo các văn bản mới do Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính chỉ đạo, thông báo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo số 512/BC-SNNMT ngày 18/3/2026 về việc rà soát hồ sơ pháp lý và biện pháp xử lý đối với 19 khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ).

Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND của UBND tỉnh kính báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh kết quả rà soát, tham mưu, đề xuất phương án xử lý đối với 19 dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ), cụ thể như sau:

A. VỀ TỔNG QUAN.

- 19 Mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước cũ được Bộ Tài chính thống nhất giao thẩm quyền về địa phương xử lý bao gồm: 07 mỏ cấp cho các dự án công trình giao thông thông qua đấu giá và 12 mỏ cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản sau ngày 01/7/2011 mà không thông qua đấu giá.

- Phân chia theo loại khoáng sản, gồm:

+ 17 mỏ đá: Diện tích cấp phép 201,15 ha; trữ lượng cấp phép 67.266.514 m³; trữ lượng còn lại là 44.368.148 m³.

+ 02 Mỏ sét gạch ngói: Diện tích cấp phép 25,47 ha; trữ lượng cấp phép 1.315.566 m³; trữ lượng còn lại là 1.079.620 m³.

B. KẾT QUẢ RÀ SOÁT CƠ SỞ PHÁP LÝ, PHÂN CHIA NHÓM

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ.

I. ĐỐI VỚI 07 DỰ ÁN MỎ ĐƯỢC CẤP PHÉP PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG NHƯNG ĐẾN NAY CÁC CÔNG TRÌNH NAY ĐÃ HOÀN THÀNH.

1. Về thủ tục pháp lý và hiện trạng mỏ.

(1) Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Sản xuất VLXD và Khai thác Nguyên liệu Thái Bình.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng công trình đường ĐT 759 tại Công văn số 264/UBND-KTN ngày 29/01/2016

- UBND tỉnh Bình Phước cấp giấy phép Thăm dò số 29/GP-UBND ngày 28/4/2016 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 18/GP-UBND ngày 07/3/2017. Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 7,1 ha; Thời gian khai thác: 24 năm, 6 tháng kể từ ngày cấp giấy phép; Công suất: 40.500 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 917.932 m³. Hiện trạng: Đang khai thác.

(2). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Lộc Linh.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Quốc lộ 14 tại Công văn số 3760/UBND-KTN ngày 04/11/2014

- UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 07/GP-UBND ngày 15/01/2018. Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 5,485 ha; Thời gian khai thác: 10 năm và 8,5 tháng kể từ ngày cấp giấy phép; Công suất: 45.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 395.952 m³. Hiện trạng: Ngưng khai thác.

(3). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Đức Bình.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng công trình tại Công văn số 3687/UBND-KTN ngày 08/11/2013.

- UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 14/4/2014 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 52/GP-UBND ngày 29/6/2016. Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 5,0 ha; thời gian khai thác: 11 năm kể từ ngày cấp giấy phép; Công suất: 30.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 209.392 m³. Hiện trạng: Ngưng khai thác.

(4) Mỏ đá cấp cho Công ty cổ phần khai thác khoáng sản Đồng Tâm.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Quốc lộ 14 tại Công văn số 3384/UBND-KTN ngày 10/10/2014

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 48/GP-UBND ngày 25/12/2015 cho Công ty TNHH MTV Hoàng Đức Phát. Ngày

30/12/2021, UBND tỉnh Bình Phước thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản số 48/GP-UBND ngày 25/12/2015 cho Công ty TNHH MTV Hoàng Đức Phát và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 78/GP-UBND cho Công ty cổ phần khai thác khoáng sản Đồng Tâm (theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản số 01/HĐP-ĐT ngày 25/10/2021).

Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 5,0 ha; Thời gian khai thác: Đến hết ngày 25/12/2029; Công suất: 120.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 1.194.258 m³. Hiện trạng: Ngung khai thác.

(5) Mỏ đá cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Trường Phước.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Quốc lộ 14 tại Công văn số 3383/UBND-KTN ngày 10/10/2014.

- UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 35/GP-UBND ngày 06/7/2018. Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 4,0 ha; Thời gian khai thác: 20 năm và 7,2 tháng kể từ ngày cấp giấy phép; Công suất: 22.140 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 269.475 m³. Hiện trạng: Ngung khai thác.

(6). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH MTV Thanh Dung.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng thi công xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước tại Công văn số 2473/UBND-KTN ngày 05/8/2014.

- UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 18/3/2016. Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 3,0 ha; thời gian khai thác: 5,2 năm kể từ ngày cấp giấy phép (Điều chỉnh theo Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của UBND tỉnh Bình Phước); Công suất: 65.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 476 m³. Hiện trạng: Ngung khai thác.

(7). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH MTV Phú Trường An.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Quốc lộ 14 tại Công văn số 2493/UBND-KTN ngày 06/8/2014

- UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 61/GP-UBND ngày 27/7/2016. Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 5,0 ha; Thời gian khai thác: 13,5 năm kể từ ngày cấp giấy phép; Công suất: 30.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 300.000 m³. Hiện trạng: Ngung khai thác.

2. Khó khăn, vướng mắc.

07 Dự án mỏ nêu trên được UBND tỉnh Bình Phước cũ chấp thuận chủ trương cấp phép thăm dò, khai thác không qua đấu giá quyền khai thác khoáng

sản cho 11 đơn vị để phục vụ thi công QL 13, QL14 và các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh. Đến nay, công trình đã hoàn thành; do vậy, cần thu hồi để tổ chức đấu giá theo quy định.

3. Đề xuất phương án xử lý.

a) Đối với Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH MTV Thanh Dung: Qua rà soát trữ lượng khoáng sản còn lại theo giấy phép rất nhỏ (476 m³); đồng thời, thời gian còn lại của Giấy phép đã hết (thời gian hết hiệu lực là 28/11/2025). Do vậy, Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh xem xét phương án xử lý như sau:

- Tổ chức kiểm tra hiện trạng về đất đai, khoáng sản, môi trường và xử lý vi phạm (nếu có).

- Chấp thuận cho phép đóng cửa mỏ theo quy định đối với Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH MTV Thanh Dung.

b) Đối với 06 mỏ còn lại.

Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh xem xét phương án xử lý như sau:

- Tổ chức kiểm tra hiện trạng về đất đai, khoáng sản, môi trường và xử lý vi phạm (nếu có).

- Tổ chức thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 66 Luật Địa chất khoáng sản; cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi là Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại Điều 108, Luật Địa chất khoáng sản năm 2024.

- Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại điều 100, Luật Địa chất khoáng sản năm 2024.

- Xử lý, thu hồi tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sau khi đấu giá: Căn cứ kết quả tỷ lệ R đấu giá của từng mỏ (*tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 132, Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - đơn vị tính %*) để tính toán truy thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khối lượng khoáng sản đã khai thác (trừ khối lượng cung cấp cho các công trình trọng điểm theo danh mục được UBND tỉnh Bình Phước (cũ) đã chấp thuận chủ trương cấp phép thăm dò, khai thác không qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 07 mỏ).

II. ĐỐI VỚI 12 DỰ ÁN MỎ CẤP PHÉP THĂM DÒ, KHAI THÁC SAU NGÀY 01/7/2011 MÀ KHÔNG THÔNG QUA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN.

1. Thủ tục pháp lý và hiện trạng các Mỏ.

(1) Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Hùng Vương Bình Phước.

UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 12/GP-UBND ngày 01/7/2013; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 41/GP-UBND ngày

30/10/2014 cho Công ty TNHH Hùng Vương Bình Phước.

Ngày 28/12/2018, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản số 41/GP-UBND ngày 30/10/2014 (điều chỉnh tăng công suất và giảm thời gian khai thác). Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 22,0 ha; Thời gian khai thác: 19,9 năm kể từ ngày cấp giấy phép (theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bình Phước); Công suất: 300.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 6.963.564 m³. Hiện trạng: Đang khai thác.

(2). Mỏ đá cấp cho Công ty Cổ phần sản xuất – Xây dựng – Thương mại và Nông nghiệp Hải Vương.

UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 45/GP-UBND ngày 20/7/2021; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 27/GP-UBND ngày 10/4/2017 cho Công ty Cổ phần sản xuất – Xây dựng – Thương mại và Nông nghiệp Hải Vương.

Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 6,9 ha; Thời gian khai thác: 11,0 năm kể từ ngày cấp giấy phép; Công suất: 200.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 703.983 m³. Hiện trạng: Đang khai thác.

(3). Mỏ đá cấp cho Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương – Chi nhánh Bình Phước.

UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 62/GP-UBND ngày 8/9/2017; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 31/GP-UBND ngày 21/01/2019 cho Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương – Chi nhánh Bình Phước.

Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 50 ha; Thời gian khai thác: 25,0 năm kể từ ngày cấp giấy phép; Công suất: 1.000.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 21.012.871 m³. Hiện trạng: Đang khai thác.

(4). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Hùng Vương Bình Phước.

UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 51/GP-UBND ngày 07/9/2018; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 68/GP-UBND ngày 10/10/2019 cho Công ty TNHH Hùng Vương Bình Phước.

Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 28,7 ha; Thời gian khai thác: 28,0 năm kể từ ngày cấp giấy phép; Công suất: 170.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 5.870.493 m³. Hiện trạng: Đang khai thác.

(5). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Tuấn Kiệt.

UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 22/GP-UBND ngày 12/7/2012; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 34/GP-UBND ngày 10/8/2015 cho Công ty TNHH Tuấn Kiệt (điều chỉnh nâng công suất lên 300.000 m³/năm và giảm thời gian khai thác).

Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 17,8 ha; Thời gian khai thác: 18,5 năm kể từ ngày cấp giấy phép; Công suất: 300.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 3.385.524 m³. Hiện trạng: Ngưng khai thác.

(6). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Đức Bình.

UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 36/GP-UBND ngày 25/9/2014; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 52/GP-UBND ngày 05/7/2017 cho Công ty TNHH Đức Bình.

Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 3,7 ha; Thời gian khai thác: 5 năm và 05 tháng kể từ ngày cấp giấy phép; Công suất: 80.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 257.556 m³. Hiện trạng: Ngưng khai thác.

(7). Mỏ đá cấp cho Công ty cổ phần Hồng Lam.

UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 68/GP-UBND ngày 19/8/2016; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 31/GP-UBND ngày 17/4/2017 cho Công ty cổ phần Hồng Lam.

Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 6,81 ha; Thời gian khai thác: 11 năm kể từ ngày cấp giấy phép; Trữ lượng: 698.102 m³; Công suất: 65.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 257.556 m³. Hiện trạng: Ngưng khai thác.

(8). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH MTV Khai thác Khoáng sản Thiên Phúc BP.

UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 08/GP-UBND ngày 01/02/2019; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 101/GP-UBND ngày 25/11/2020 cho Công ty TNHH MTV Khai thác Khoáng sản Thiên Phúc BP.

Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 6,81 ha; Thời gian khai thác: 18 năm kể từ ngày cấp giấy phép; Công suất: 70.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 1.067.322 m³. Hiện trạng: Ngưng khai thác.

(9). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Đức Minh BP.

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 28/GP-UBND ngày 28/4/2016; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 70/GP-UBND ngày 15/11/2017 cho Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Minh.

Năm 2019, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 18/2/2019 về việc điều chỉnh tên đơn vị khai thác khoáng sản từ Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Minh thành Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Lợi.

Năm 2020, UBND tỉnh Bình Phước thu hồi Giấy phép số 70/GP-UBND ngày 15/11/2017 được điều chỉnh tại Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 18/2/2019 và cấp Giấy phép số 51/GP-UBND ngày 15/6/2020 cho Công ty

TNHH Đức Minh BP (do chuyển nhượng Giấy phép khai thác khoáng sản).

- Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 10,0 ha; Thời gian khai thác: Đến hết ngày 15/5/2032; Công suất: 57.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 455.768 m³. Hiện trạng: Ngưng khai thác.

(10). Mỏ đá cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam Bình Phước.

UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 57GP-UBND ngày 09/10/2018; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 34/GP-UBND ngày 27/5/2019 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam Bình Phước.

Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 17,545 ha; Thời gian khai thác: 30 năm kể từ ngày cấp giấy phép; Công suất: 50.000 m³/năm (đá nguyên khối); Trữ lượng còn lại: 1.640.569 m³. Hiện trạng: Ngưng khai thác.

11. Mỏ Sét gạch ngói cấp cho Công ty TNHH MTV Sản xuất thương mại Đô Thành.

UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 30/GP-UBND ngày 17/4/2017; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 79/GP-UBND ngày 04/9/2020 cho Công ty TNHH MTV Sản xuất thương mại Đô Thành.

Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 20,7 ha; Thời gian khai thác: 15,5 năm kể từ ngày cấp giấy phép; Công suất: 50.000 m³/năm; Trữ lượng còn lại: 900.000 m³. Hiện trạng: Đang khai thác.

(12). Mỏ Sét gạch ngói cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Hải Long.

UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 16/GP-UBND ngày 14/6/2012; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 29/11/2012 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 13/GP-UBND ngày 22/4/2014 cho Doanh nghiệp tư nhân Hải Long; được điều chỉnh trả lại một phần diện tích tại Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 04/8/2017.

Hiện trạng mỏ như sau: Diện tích mỏ cấp phép: 5,0 ha; Thời gian khai thác: 12 năm kể từ ngày cấp giấy phép; Trữ lượng: 296.670 m³; Công suất: 60.000 m³/năm; Trữ lượng còn lại: 179.620 m³. Hiện trạng: Đang khai thác.

2. Khó khăn, vướng mắc.

Đối với 12 mỏ nêu trên được cấp phép thăm dò, khai thác sau ngày 01/7/2011, UBND tỉnh Bình Phước (cũ) phê duyệt khu vực khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản chưa đúng với quy định về tiêu chí khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Do vậy, việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số cho 12 doanh nghiệp nêu trên không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản là không phù hợp theo quy định tại Điều 78 Luật Khoáng sản năm 2010 và điều 100, Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024.

3. Đề xuất phương án xử lý.

Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh xem xét phương án xử lý như sau:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Địa chất và Khoáng sản 2024:

“1. Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật;

b) Khu vực được phép khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

c) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất, khu vực biển đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về biển, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và quy định khác của pháp luật có liên quan;

...”

Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh xem xét phương án xử lý như sau: Thống nhất chủ trương, giao UBND tỉnh thu hồi 12 Giấy phép khai thác khoáng sản nêu trên và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản 2024 và các quy định khác có liên quan.

Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND kính báo cáo Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (để b/c);
- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở: TC, NNMT, XD;
- LĐVP;
- Lưu VT.

TỔ TRƯỞNG

Lê Trường Sơn
PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
Số 516 /BC-SNNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO

Về việc rà soát hồ sơ pháp lý và biện pháp xử lý đối với Mỏ đá cấp phép khai thác cho Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông

Kính gửi: Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND.

Căn cứ Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thành lập Tổ công tác rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng trên địa bàn tỉnh Bình Phước cũ.

Căn cứ Công văn số 1244/BTC-PTHT ngày 30/01/2026 của Bộ Tài chính về việc thông báo danh mục các dự án khó khăn, vướng mắc các bộ, địa phương đề xuất áp dụng cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội trên Hệ thống 751;

Căn cứ Công văn số 1634/STC-KTN ngày 07/2/2025 của Sở Tài chính về việc báo cáo đề xuất nội dung cụ thể để giải quyết các vấn đề khó khăn vướng mắc của các dự án tồn đọng theo các văn bản mới do Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính chỉ đạo, thông báo;

Căn cứ Thông báo số 78/TB-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh về thông báo Kết luận phiên họp Thường trực UBND tỉnh ngày 02/3/2025.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trường Sơn – Tổ trưởng Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND tại cuộc họp ngày 12/3/2026.

Tiếp theo nội dung Báo cáo số 888/BC-SoNNMT ngày 29/9/2025, Báo cáo số 1025/BC-SoNNMT ngày 09/10/2025, Báo cáo số 1522/BC-SoNNMT ngày 04/12/2025 và Báo cáo số 1577/BC-SoNNMT ngày 11/12/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục rà soát, tham mưu, đề xuất phương án xử lý đối với Mỏ đá cấp phép khai thác cho Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông, cụ thể như sau:

1. Thủ tục pháp lý.

- Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông được UBND tỉnh Bình Phước: (1) Thuận chủ trương cho phép thăm dò mỏ đá tại xã Minh Đức, huyện Hớn Quản (nay là xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai) theo Công văn số 3104/UBND-SX ngày 10/12/2007; (2) cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 19/GP-UBND ngày 15/4/2010; (3) phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 14/6/2012; (4) phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường tại Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 và (4) cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 28/GP-UBND ngày 01/7/2015. Theo đó, Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông được khai thác khoáng sản đá xây dựng với trữ lượng khai thác:

7.046.500 m³ và 1.422.502 m³ vật liệu san lấp; diện tích mỏ 22 ha; công suất khai thác 250.000 m³ đá nguyên khối/năm; thời gian khai thác 30 năm.

- Hiện trạng sử dụng đất: Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông được UBND tỉnh Bình Phước cho thuê đất để khai thác khoáng sản, với diện tích 72.787,6m², tại xã Minh Đức, huyện Hớn Quản (nay là xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai); mục đích sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; hình thức cho thuê đất trả tiền hàng năm. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 46/HĐTD ngày 16/4/2018 với UBND tỉnh Bình Phước và được cấp GCNQSD đất số CL849998 (số vào sổ CT10685) ngày 26/4/2018. Diện tích còn lại của mỏ (14,73 ha) là đất rừng sản xuất, hiện nay công ty đang thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất hoạt động khoáng sản.

- Ngày 07/9/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND trong đó có mỏ đá tại xã Minh Đức, huyện Hớn Quản của Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông.

Việc phê duyệt khu vực mỏ nêu trên thuộc khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tuân thủ theo quy định tại Khoản 7, Điều 12, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ về tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, cụ thể:

“7. Khu vực hoạt động khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 01 tháng 7 năm 2011”.

Như vậy, Mỏ đá xã Minh Đức, huyện Hớn Quản của Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông đã được UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 19/GP-UBND ngày 15/4/2010 đáp ứng theo quy định để khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản là đúng theo quy định của pháp luật.

2. Khó khăn vướng mắc.

Trường hợp mỏ đá của Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông không thuộc các trường hợp kiến nghị theo Thông báo số 164/TB-KTNN ngày 30/6/2021 của Kiểm toán Nhà nước về Kết luận kết quả kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Phước.

Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Phước tại Công văn số 2588/UBND-KT ngày 19/9/2022 về việc triển khai thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về công tác quản lý nhà nước đối với tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 – 2021; theo đó, giao Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát các các giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước năm 2017 còn hiệu lực để xác định đúng trữ lượng được tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016, Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ và các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện.

Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước đã tổng hợp Giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông vào báo cáo gửi UBND tỉnh.

3. Đề xuất, kiến nghị.

- Qua rà soát, trình tự, thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông, Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận thấy hồ sơ cấp phép thực hiện đúng theo quy định hiện hành; khu vực mỏ đá xã Minh Đức cấp cho Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông được khoanh định là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản phù hợp với Khoản 7, Điều 12, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

- Về khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khai thác khoáng sản đối với đất rừng (phần đất còn lại Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông chưa được giao, cho thuê đất): Theo quy định tại điểm khoản 1, Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản năm 2014, tiêu chí khoanh định khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản như sau:

"1. Khu vực cấm hoạt động khoáng sản được khoanh định trên cơ sở một trong các yếu tố sau đây:

a) Kết quả điều tra địa chất về khoáng sản;

b) Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Khu vực đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ; khu bảo tồn địa chất, khu bảo tồn biển theo quy định của pháp luật;

d) Khu vực đất quốc phòng, an ninh;

đ) Đất tôn giáo, đất tín ngưỡng;

e) Phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; phạm vi hành lang bảo vệ an toàn hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, đê điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải; công trình năng lượng, dầu khí; công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

2. Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được khoanh định khi có một trong các yêu cầu sau đây:

a) Yêu cầu về quốc phòng, an ninh;

b) Bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đang được Nhà nước xem xét, công nhận hoặc phát hiện trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản; di sản, di tích thuộc danh mục kiểm kê;

c) Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai;

d) Khu vực sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông; khu vực bờ biển bị sạt, lở hoặc có nguy cơ sạt, lở bờ biển.

Diện tích đất còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số 28/GP-UBND ngày 01/7/2015 là đất rừng sản xuất, không thuộc các tiêu chí khoanh định khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND báo cáo Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh cho

phép đưa Mỏ đá của Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 28/GP-UBND ngày 01/7/2015 ra khỏi các dự án có khó khăn, vướng mắc để doanh nghiệp tiếp tục thực hiện các thủ tục về đất và thực hiện khai thác khoáng sản theo quy định hiện hành.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Như kính gửi;
- Sở Tài chính (để t/h);
- GD, các Phó GD Sở;
- Lưu VT, KSTL (Tùng^{PT}).



Trần Trọng Toàn

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 515 /BC-SNNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO

Về việc rà soát hồ sơ pháp lý và biện pháp xử lý đối với Mỏ đá Mũi Tàu của Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ và Mỏ đá của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước

Kính gửi: Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND.

Căn cứ Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thành lập Tổ công tác rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng trên địa bàn tỉnh Bình Phước cũ.

Căn cứ Công văn số 1244/BTC-PTHT ngày 30/01/2026 của Bộ Tài chính về việc thông báo danh mục các dự án khó khăn, vướng mắc các bộ, địa phương đề xuất áp dụng cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội trên Hệ thống 751;

Căn cứ Công văn số 1634/STC-KTN ngày 07/2/2025 của Sở Tài chính về việc báo cáo đề xuất nội dung cụ thể để giải quyết các vấn đề khó khăn vướng mắc của các dự án tồn đọng theo các văn bản mới do Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính chỉ đạo, thông báo;

Căn cứ Thông báo số 78/TB-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh về thông báo Kết luận phiên họp Thường trực UBND tỉnh ngày 02/3/2025.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trường Sơn – Tổ trưởng Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND tại cuộc họp ngày 12/3/2026.

Tiếp theo nội dung Báo cáo số 888/BC-SoNNMT ngày 29/9/2025, Báo cáo số 1025/BC-SoNNMT ngày 09/10/2025, Báo cáo số 1522/BC-SoNNMT ngày 04/12/2025 và Báo cáo số 1577/BC-SoNNMT ngày 11/12/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục rà soát, tham mưu, đề xuất phương án xử lý đối với Mỏ đá Mũi Tàu của Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ và Mỏ đá của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Thủ tục pháp lý.

a) Mỏ đá Mũi Tàu của Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ.

(1). Mỏ đá Mũi Tàu đã được Bộ Công nghiệp cấp phép thăm dò cho Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương và được phê chuẩn báo cáo tính trữ lượng tại Quyết định số 2012/QĐ-CNCL ngày 08/11/1997 của Bộ Công nghiệp. Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương được UBND tỉnh Bình Phước cấp giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng số 43/GP-UB Ngày 08/09/2004, với diện tích 51,5ha, trữ lượng khai thác 18.800.000 m³, độ sâu khai thác 40m, công suất khai thác 300.000 m³/năm (giai đoạn 2005-2010) và 500.000 m³/năm (giai đoạn 2010-2034), thời gian khai thác là 30 năm.

- Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ được thành lập pháp nhân doanh nghiệp thay cho Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương khai thác khoáng sản đá xây dựng tại mỏ đá Mũi Tàu kể từ ngày 01/12/2006, được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận tại Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 22/12/2006.

- Về tình hình hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép số 43/GP-UB ngày 08/09/2004: Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ đã đưa mỏ vào hoạt động khai thác từ năm 2008 đến nay..

(2) Ngày 21/12/2016, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đá xây dựng tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước của Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ. Thực hiện quy trình cấp phép thăm dò theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP, Sở Tài Nguyên và Môi trường đã Niêm yết, thông báo lựa chọn tổ chức thăm dò khoáng sản tại Trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường và trang thông tin điện tử của Sở (tại Thông báo số 56/TB-STNMT ngày 22/12/2016).

- Kết thúc 30 ngày niêm yết theo quy định, Sở Tài Nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh thuận chủ trương thăm và lựa chọn tổ chức thăm dò khoáng sản tại Công văn số 899/STNMT-KS ngày 25/4/2017 và được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận tại Công văn 1837/UBND-KT ngày 07/6/2017; cấp Giấy phép thăm dò số 51/GP-UBND ngày 05/7/2017. Diện tích khu vực thăm dò 51,5 ha.

- Dự án được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xuống sâu đến cote – 20 và điều chỉnh nâng công suất khai thác – chế biến khoáng sản tại mỏ đá xây dựng Mũi Tàu, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; công suất 1.000.000 m³ đá nguyên khối/năm tương đương 1.421.000 m³ đá nguyên khai/năm tại Quyết định số 3108/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2018. UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án Đầu tư xuống sâu đến cote – 20 và điều chỉnh nâng công suất khai thác – chế biến khoáng sản từ 230.000 m³/ năm (nguyên khối) lên 1.000.000 m³/năm tại Quyết định số 2606/QĐ-BTNMT ngày 13/11/2018. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 51/GPMT-BTNMT ngày 02/3/2023.

Dự án được UBND tỉnh Bình Phước cấp chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 27/12/2018, thời hạn thực hiện dự án là 23 năm và cấp Giấy phép khai thác 01/GP-UBND ngày 08/01/2019 (Cấp lại giấy phép số 43/GP-UBND ngày 08/9/2004); Diện tích khu vực khai thác: 51,5 ha; Trữ lượng đá được phép khai thác: 22.509.268 m³; Công suất khai thác 1.000.000 m³/năm (nguyên khối); thời gian khai thác 23 năm.

b) Mỏ đá Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước.

- Mỏ đá xây dựng tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (cũ) nay thuộc xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cho Công ty TNHH XD CK XD TM Tín Nghĩa Đức thăm dò tại Công văn số 1122/UBND-KT ngày 14/04/2010; cấp phép thăm dò theo Giấy phép số

29/GP-UBND ngày 18/5/2011, diện tích 26 ha.

- Ngày 10/7/2011, UBND tỉnh ban hành Công văn số 2145/UBND-KT về việc Công ty TNHH Quốc Cường Phát và Công ty TNHH XD CK XD TM Tín Nghĩa Đức bàn giao mỏ đá Tân Lập, huyện Đồng Phú lại cho tỉnh để giao cho các đơn vị 2 tỉnh Bình Dương – Bình Phước do Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước làm đại diện cho các cổ đông sáng lập để thành lập Công ty cổ phần thăm dò, khai thác khoáng sản đá xây dựng nhằm phục vụ các công trình kết cấu hạ tầng Khu liên hiệp công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Đồng Phú.

- Ngày 26/12/2011, UBND tỉnh Bình Phước có Công văn số 3983/UBND-KTN về việc chuyển nhượng quyền thăm dò đá xây dựng tại mỏ đá xã Tân Lập, huyện Đồng Phú; theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận cho Công ty TNHH XD CK XD TM Tín Nghĩa Đức tiếp tục thực hiện việc lập báo cáo kết quả thăm dò, trình Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản tỉnh phê duyệt. Sau khi có kết quả phê duyệt trữ lượng, UBND tỉnh sẽ xem xét cấp phép khai thác cho Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước. Khi đó Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước có trách nhiệm hoàn trả chi phí thăm dò cho Công ty TNHH XD CK XD TM Tín Nghĩa Đức.

- Ngày 14/6/2012, UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 1244/QĐ-UBND; Dự án được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 13/7/2018, thời hạn thực hiện dự án là 30 năm. Chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước.

- Ngày 20/03/2019, Tỉnh ủy Bình Phước có Thông báo số 2309-TB/TU kết luận họp Thường trực Tỉnh ủy, trong đó thống nhất chủ trương cho Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước liên doanh đầu tư khai thác mỏ đá tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú. Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước ký hợp đồng liên doanh khai thác khoáng sản tại mỏ đá xã Tân Lập, huyện Đồng Phú với Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh theo hợp đồng số 01/HĐLD-KTKS/2019 ngày 21/03/2019.

Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 38011497498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/03/2019 (Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh 90 % vốn điều lệ, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước 10% vốn điều lệ)

- Mỏ đá xã Tân Lập, huyện Đồng Phú được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường tại Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 (chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước).

- Ngày 04/9/2020, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Công văn số 3160/UBND-KT về việc chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh nhận kế thừa hồ sơ dự án khai thác, chế biến khoáng sản đá xây dựng và ngày 10/03/2021, UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình

Phước theo giấy phép số 18/GP-UBND. Diện tích khai thác 21,54 ha, thời gian khai thác 27 năm; hiện nay, mỏ chưa hoạt động

2. Về tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Ngày 07/9/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND trong đó có Mỏ đá Mũi Tàu - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ và Mỏ đá Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước cùng thuộc khu vực quy hoạch số hiệu 130 tại Tân Lập, Đồng Phú (nay là xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai).

Việc phê duyệt khu vực mỏ nêu trên thuộc khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tuân thủ theo quy định tại Khoản 7, Điều 12, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ về tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, cụ thể:

“7. Khu vực hoạt động khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 01 tháng 7 năm 2011”.

Như vậy, Mỏ đá Mũi Tàu - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ cấp phép thăm dò cho và được phê chuẩn báo cáo tính trữ lượng tại Quyết định số 2012/QĐ-CNCL ngày 08/11/1997 của Bộ Công nghiệp, cấp giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng số 43/GP-UB Ngày 08/09/2004 và Mỏ đá Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước đã được cấp Giấy phép thăm dò số 29/GP-UBND ngày 18/5/2011 đáp ứng theo quy định để khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản là đúng theo quy định của pháp luật.

3. Khó khăn, vướng mắc.

- Tại Thông báo số 164/TB-KTNN ngày 30/6/2021 của Kiểm toán Nhà nước về Kết luận kết quả kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Phước nhận xét (trang 2):

“- Về quy hoạch khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh khoanh định 06/42 khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định”.

Trong 06/42 khu vực nêu trên có khu vực quy hoạch 130 tại Tân Lập, Đồng Phú

- Tuy nhiên, tại Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán giữa Đoàn Kiểm toán và Sở Tài nguyên và Môi trường nêu:

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện tham mưu UBND tỉnh khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 07/9/2015, gồm 42 khu vực với tổng diện tích 2.665,5 ha và 35 km đường sông. Qua kiểm tra, rà soát cho thấy Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh khoanh định 06 khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định cụ thể như sau:

- Đối với 04 khu vực chưa được cấp phép khai thác, thăm dò trước

1/7/2011 được khoan định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định khu vực không đấu giá tại Khoản 7, Điều 12, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ "7. Khu vực hoạt động khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 01 tháng 7 năm 2011".

+ Số quy hoạch 130 tại Tân Lập, Đồng Phú diện tích 262 ha (Diện tích 102,5 ha đã cấp giấy phép khai thác, thăm dò; Diện tích 159,5 ha chưa được cấp phép khai thác, thăm dò trước 1/7/2011).

Số quy hoạch 130 tại Tân Lập, Đồng Phú gồm các mỏ sau:

+ Mỏ đá Mũi tàu của Công ty cổ phần đá núi nhỏ 51,5 ha, giấy phép khai thác số 43/GP-UBND ngày 08/9/2004;

+ Mỏ đá của Công ty TNHH Quốc Cường Phát, diện tích 25 ha, Giấy phép thăm dò số 24/GP-UBND ngày 20/4/2011;

+ Mỏ đá suối Rạch Triết Công ty TNHH Tín Nghĩa Đức (nay là Công ty TNHH An Phú Vinh Bình Phước), diện tích 26 ha, Giấy phép thăm dò số 29/GP-UBND ngày 20/4/2011.

+ UBND tỉnh thuận chủ trương cho Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước thăm dò tại Công văn số 2397/UBND-KTN ngày 15/8/2011, diện tích 106 ha và thuận chủ trương cho Tổng Công ty Thương mại XNK Thanh Lễ TNHH MTV THALEXIM thăm dò tại Công văn số 2398/UBND-KTN ngày 15/8/2011, diện tích 50ha.

Như vậy, tại biên bản làm việc giữa Kiểm toán Nhà nước và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước đã giải trình và xác định khu vực quy hoạch 130 tại Tân Lập, Đồng Phú có 102,5 ha được cấp phép thăm dò trước ngày 01/7/2011 (bao gồm Mỏ đá Mũi Tàu của Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ và Mỏ đá của Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước). Tuy nhiên, Thông báo số 164/TB-KTNN ngày 30/6/2021 của Kiểm toán Nhà nước vẫn Kết luận khu vực quy hoạch 130 tại Tân Lập, Đồng Phú **khoan định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định.**

4. Đề xuất, kiến nghị.

Mỏ đá Mũi Tàu - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ cấp phép thăm dò cho và được phê chuẩn báo cáo tính trữ lượng tại **Quyết định số 2012/QĐ-CNCL ngày 08/11/1997** của Bộ Công nghiệp, cấp giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng số 43/GP-UB Ngày 08/09/2004 và Mỏ đá Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước đã được cấp Giấy phép thăm dò số 29/GP-UBND ngày 18/5/2011 đáp ứng theo quy định để khoan định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản là đúng theo quy định của pháp luật.

UBND tỉnh Bình Phước đã có Báo cáo số 129/BC-UBND (M) ngày 28/4/2023 gửi Kiểm toán nhà nước Khu vực XIII về Kết luận kết quả kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Phước trong đó giải trình đối với Mỏ đá Mũi Tàu - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ và Mỏ đá Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước; tuy nhiên chưa nhận được ý kiến phản hồi

của Kiểm toán nhà nước Khu vực XIII (nay là Khu vực XII).

Sở Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND, UBND tỉnh đăng ký lịch làm việc với Kiểm toán nhà nước Khu vực XII về Mỏ đá Mũi Tàu - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ và Mỏ đá Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước, trên cơ sở đó thực hiện các bước tiếp theo quy định hiện hành.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Như kính gửi;
- Sở Tài chính (để t/h);
- GD, các Phó GD Sở;
- Lưu VT, KSTL (Tùng^{PT}).



Trần Trọng Toàn

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 512 /BC-SNNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO

Về việc rà soát hồ sơ pháp lý và biện pháp xử lý đối với 19 khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ)

Kính gửi: Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND.

Căn cứ Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thành lập Tổ công tác rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng trên địa bàn tỉnh Bình Phước cũ.

Căn cứ Công văn số 1244/BTC-PTHT ngày 30/01/2026 của Bộ Tài chính về việc thông báo danh mục các dự án khó khăn, vướng mắc các bộ, địa phương đề xuất áp dụng cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội trên Hệ thống 751;

Căn cứ Công văn số 1634/STC-KTN ngày 07/2/2025 của Sở Tài chính về việc báo cáo đề xuất nội dung cụ thể để giải quyết các vấn đề khó khăn vướng mắc của các dự án tồn đọng theo các văn bản mới do Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính chỉ đạo, thông báo;

Căn cứ Thông báo số 78/TB-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh về thông báo Kết luận phiên họp Thường trực UBND tỉnh ngày 02/3/2025.

Ngày 16/9/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức làm việc với các doanh nghiệp để thông nhất chủ trương thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản và tổ chức đấu giá. Kết thúc cuộc họp, các doanh nghiệp cơ bản thống nhất phương án thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản để tổ chức đấu giá theo quy định. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tại Báo cáo số 888/BC-SoNNMT ngày 29/9/2025, Báo cáo số 1025/BC-SoNNMT ngày 09/10/2025, Báo cáo số 1522/BC-SoNNMT ngày 04/12/2025 và Báo cáo số 1577/BC-SoNNMT ngày 11/12/2025.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trường Sơn – Tổ trưởng Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND tại cuộc họp ngày 12/3/2026. Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục rà soát, tham mưu, đề xuất phương án xử lý đối với 19 dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ), cụ thể như sau:

A. VỀ TỔNG QUAN.

- 19 Mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước cũ được Bộ Tài chính thống nhất giao thẩm quyền về địa phương xử lý bao gồm: 07 mỏ cấp cho các dự án công trình giao thông thông qua đấu giá và 12 mỏ cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản sau ngày 01/7/2011 mà không thông qua đấu giá.

- Phân chia theo loại khoáng sản, gồm:

+ 17 mỏ đá: Diện tích cấp phép 201,15 ha; trữ lượng cấp phép 67.266.514 m³; trữ lượng còn lại là 44.368.148 m³.

+ 02 Mỏ sét gạch ngói: Diện tích cấp phép 25,47 ha; trữ lượng cấp phép 1.315.566 m³; trữ lượng còn lại là 1.079.620 m³.

B. KẾT QUẢ RÀ SOÁT CƠ SỞ PHÁP LÝ, PHÂN CHIA NHÓM PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ.

I. ĐỐI VỚI 07 DỰ ÁN MỎ ĐƯỢC CẤP PHÉP PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG NHƯNG ĐẾN NAY CÁC CÔNG TRÌNH NAY ĐÃ HOÀN THÀNH.

1. Về thủ tục pháp lý và hiện trạng mỏ.

(1) Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Sản xuất VLXD và Khai thác Nguyên liệu Thái Bình.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng công trình đường ĐT 759 tại Công văn số 264/UBND-KTN ngày 29/01/2016

- UBND tỉnh Bình Phước cấp giấy phép Thăm dò số 29/GP-UBND ngày 28/4/2016 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 18/GP-UBND ngày 07/3/2017. Hiện trạng mỏ như sau:

+ Vị trí mỏ: Xã Tân Lợi, tỉnh Đồng Nai.

+ Diện tích mỏ cấp phép: 7,1 ha.

+ Thời gian khai thác: 24 năm, 6 tháng kể từ ngày cấp giấy phép.

+ Trữ lượng: 1.072.757 m³.

+ Công suất: 40.500 m³/năm (đá nguyên khối).

+ Trữ lượng còn lại: 917.932 m³.

+ Hiện trạng: Đang khai thác.

+ Hiện trạng thuê đất: Đã thực hiện cấp Giấy CNQSDĐ đất đối với diện tích khai thác. Cụ thể như sau: Diện tích đã cấp Giấy CNQSDĐ 96.171,1 m² (theo Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh Bình Phước).

+ Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 6.943.235.865 đồng (theo báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản do doanh nghiệp cung cấp đến hết năm 2025)

(2). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Lộc Linh.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Quốc lộ 14 tại Công văn số 3760/UBND-KTN ngày 04/11/2014

- UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 07/GP-UBND ngày 15/01/2018. Hiện trạng mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Xã Phú Trung, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 5,485 ha.
- + Thời gian khai thác: 10 năm và 8,5 tháng kể từ ngày cấp giấy phép.
- + Trữ lượng: 468.549 m³.
- + Công suất: 45.000 m³/năm (đá nguyên khối).
- + Trữ lượng còn lại: 395.952 m³.
- + Hiện trạng: Ngưng khai thác.
- + Hiện trạng thuê đất: Chưa hoàn thành thủ tục về đất.
- + Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Đã thực hiện nộp tiền thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến hết năm 2025.

(3). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Đức Bình.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng công trình tại Công văn số 3687/UBND-KTN ngày 08/11/2013.

- UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 14/4/2014 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 52/GP-UBND ngày 29/6/2016. Hiện trạng mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 5,0 ha.
- + Thời gian khai thác: 11 năm kể từ ngày cấp giấy phép.
- + Trữ lượng: 310.247 m³.
- + Công suất: 30.000 m³/năm (đá nguyên khối).
- + Trữ lượng còn lại: 209.392 m³.
- + Hiện trạng: Ngưng khai thác.
- + Hiện trạng thuê đất: Chưa hoàn thành thủ tục về đất (Đã xử phạt hành chính về đất đai năm 2019).
- + Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Đã thực hiện nộp tiền thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến hết năm 2025.

(4) Mỏ đá cấp cho Công ty cổ phần khai thác khoáng sản Đồng Tâm.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Quốc lộ 14 tại Công văn số 3384/UBND-KTN ngày 10/10/2014

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 48/GP-UBND ngày 25/12/2015 cho Công ty TNHH MTV Hoàng Đức Phát.

Ngày 30/12/2021, UBND tỉnh Bình Phước thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản số 48/GP-UBND ngày 25/12/2015 cho Công ty TNHH MTV Hoàng Đức Phát và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 78/GP-UBND cho Công ty cổ phần khai thác khoáng sản Đồng Tâm (theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản số 01/HDP-ĐT ngày 25/10/2021).

. Hiện trạng mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 5,0 ha.
- + Thời gian khai thác: Đến hết ngày 25/12/2029.
- + Trữ lượng: 2.427.164 m³.
- + Công suất: 120.000 m³/năm (đá nguyên khối).
- + Trữ lượng còn lại: 1.194.258 m³.
- + Hiện trạng: Ngưng khai thác.
- + Hiện trạng thuê đất: Chưa hoàn thành thủ tục về đất (Đã xử phạt hành chính về đất đai năm 2022).
- + Nghĩa vụ tài chính (thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT): Doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 1.276.000.000 đồng (theo báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản do doanh nghiệp cung cấp đến hết năm 2025)

(5) Mỏ đá cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Trường Phước.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Quốc lộ 14 tại Công văn số 3383/UBND-KTN ngày 10/10/2014.

- UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 35/GP-UBND ngày 06/7/2018. Hiện trạng mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Phường Phước Bình, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 4,0 ha.
- + Thời gian khai thác: 20 năm và 7,2 tháng kể từ ngày cấp giấy phép.
- + Trữ lượng: 456.614 m³.
- + Công suất: 22.140 m³/năm (đá nguyên khối).
- + Trữ lượng còn lại: 269.475 m³.
- + Hiện trạng: Ngưng khai thác.
- + Hiện trạng thuê đất: Chưa hoàn thành thủ tục về đất (Đã xử phạt hành

chính về đất đai năm 2021)

+ Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 1.250.845.262 đồng (theo báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản do doanh nghiệp cung cấp đến hết năm 2025)

(6). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH MTV Thanh Dung.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng thi công xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước tại Công văn số 2473/UBND-KTN ngày 05/8/2014.

- UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 18/3/2016. Hiện trạng mỏ như sau:

+ Vị trí mỏ: Xã Đăk O, tỉnh Đồng Nai.

+ Diện tích mỏ cấp phép: 3,0 ha.

+ Thời gian khai thác: 5,2 năm kể từ ngày cấp giấy phép (Điều chỉnh theo Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của UBND tỉnh Bình Phước).

+ Trữ lượng: 419.300 m³.

+ Công suất: 65.000 m³/năm (đá nguyên khối).

+ Trữ lượng còn lại: 476 m³.

+ Hiện trạng: Ngưng khai thác.

- Hiện trạng thuê đất: Chưa hoàn thành thủ tục về đất (Đã xử phạt hành chính về đất đai năm 2021, 2022, 2023)

+ Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 10.765.546.803 đồng (theo báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản do doanh nghiệp cung cấp đến hết năm 2025)

(7). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH MTV Phú Trường An.

- Dự án Mỏ được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương cấp để phục vụ thi công xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Quốc lộ 14 tại Công văn số 2493/UBND-KTN ngày 06/8/2014

- UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 61/GP-UBND ngày 27/7/2016. Hiện trạng mỏ như sau:

+ Vị trí mỏ: Xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai.

+ Diện tích mỏ cấp phép: 5,0 ha.

+ Thời gian khai thác: 13,5 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

- + Trữ lượng: 390.529 m³.
- + Công suất: 30.000 m³/năm (đá nguyên khối).
- + Trữ lượng còn lại: 300.000 m³.
- + Hiện trạng: Ngưng khai thác.
- + Hiện trạng thuê đất: Chưa hoàn thành thủ tục về đất (Đã xử phạt hành chính về đất đai năm 2022)
- + Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Đã thực hiện nộp tiền thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến hết năm 2025.

2. Khó khăn, vướng mắc.

07 Dự án mỏ nêu trên được UBND tỉnh Bình Phước cũ chấp thuận chủ trương cấp phép thăm dò, khai thác không qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho 11 đơn vị để phục vụ thi công QL 13, QL14 và các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh. Đến nay, công trình đã hoàn thành; do vậy, cần thu hồi để tổ chức đấu giá theo quy định.

3. Đề xuất phương án xử lý.

a) Đối với Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH MTV Thanh Dung: Qua rà soát trữ lượng khoáng sản còn lại theo giấy phép rất nhỏ (476 m³); đồng thời, thời gian còn lại của Giấy phép đã hết (thời gian hết hiệu lực là 28/11/2025). Do vậy, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND báo cáo UBND tỉnh xem xét phương án xử lý như sau:

- Tổ chức kiểm tra hiện trạng về đất đai, khoáng sản, môi trường và xử lý vi phạm (nếu có).

- Chấp thuận cho phép đóng cửa mỏ theo quy định đối với Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH MTV Thanh Dung.

b) Đối với 06 mỏ còn lại.

- Tổ chức kiểm tra hiện trạng về đất đai, khoáng sản, môi trường và xử lý vi phạm (nếu có).

- Tổ chức thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 66 Luật Địa chất khoáng sản; cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi là Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại Điều 108, Luật Địa chất khoáng sản năm 2024.

- Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại điều 100, Luật Địa chất khoáng sản năm 2024.

- Xử lý, thu hồi tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sau khi đấu giá: Căn cứ kết quả tỷ lệ R đấu giá của từng mỏ (*tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 132, Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - đơn vị tính %*) để tính toán truy thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khối lượng khoáng sản đã khai thác (trừ khối lượng cung cấp

cho các công trình trọng điểm theo danh mục được UBND tỉnh Bình Phước (cũ) đã chấp thuận chủ trương cấp phép thăm dò, khai thác không qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 07 mỏ).

II. ĐỐI VỚI 12 DỰ ÁN MỎ CẤP PHÉP THĂM DÒ, KHAI THÁC SAU NGÀY 01/7/2011 MÀ KHÔNG THÔNG QUA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN.

1. Thủ tục pháp lý và hiện trạng các Mỏ.

(1) Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Hùng Vương Bình Phước.

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 12/GP-UBND ngày 01/7/2013; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 41/GP-UBND ngày 30/10/2014 cho Công ty TNHH Hùng Vương Bình Phước.

Ngày 28/12/2018, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản số 41/GP-UBND ngày 30/10/2014 (điều chỉnh tăng công suất và giảm thời gian khai thác) . Hiện trạng mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 22,0 ha.
- + Thời gian khai thác: 19,9 năm kể từ ngày cấp giấy phép (theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bình Phước).
- + Trữ lượng: 8.723.200 m³.
- + Công suất: 300.000 m³/năm (đá nguyên khối).
- + Trữ lượng còn lại: 6.963.564 m³.
- + Hiện trạng: Đang khai thác.
- + Hiện trạng thuê đất: Đã thực hiện cấp Giấy CNQSDĐ đất đối với diện tích khai thác. Cụ thể như sau: Diện tích đã cấp Giấy CNQSDĐ 91.467,8 m² (theo Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh Bình Phước).
- + Nghĩa vụ tài chính (thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT): Doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 13.949.219.800 đồng (theo báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản do doanh nghiệp cung cấp đến hết năm 2025)

(2). Mỏ đá cấp cho Công ty Cổ phần sản xuất – Xây dựng – Thương mại và Nông nghiệp Hải Vương.

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 45/GP-UBND ngày 20/7/2021; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 27/GP-UBND ngày 10/4/2017 cho Công ty Cổ phần sản xuất – Xây dựng – Thương mại và Nông

nghiệp Hải Vương. Hiện trạng mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 6,9 ha.
- + Thời gian khai thác: 11,0 năm kể từ ngày cấp giấy phép.
- + Trữ lượng: 1.803.951 m³.
- + Công suất: 200.000 m³/năm (đá nguyên khối).
- + Trữ lượng còn lại: 703.983 m³.
- + Hiện trạng: Đang khai thác.
- + Hiện trạng thuê đất: Đã thực hiện cấp Giấy CNQSDĐ đất đối với diện tích khai thác. Cụ thể như sau: Diện tích đã cấp Giấy CNQSDĐ 41.468,3 m² (theo Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước).
- + Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 38.759.016.121 đồng (theo báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản do doanh nghiệp cung cấp đến hết năm 2025)

(3). Mỏ đá cấp cho Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương – Chi nhánh Bình Phước.

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 62/GP-UBND ngày - 8/9/2017; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 31/GP-UBND ngày 21/01/2019 cho Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương – Chi nhánh Bình Phước. Hiện trạng mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 50 ha.
- + Thời gian khai thác: 25,0 năm kể từ ngày cấp giấy phép.
- + Trữ lượng: 23.739.032 m³.
- + Công suất: 1.000.000 m³/năm (đá nguyên khối).
- + Trữ lượng còn lại: 21.012.871 m³.
- + Hiện trạng: Đang khai thác.
- + Hiện trạng thuê đất: Đã thực hiện cấp Giấy CNQSDĐ đất đối với diện tích khai thác. Cụ thể như sau: Diện tích đã cấp Giấy CNQSDĐ 435.583 m² (theo Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Bình Phước).
- + Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 22.107.443.055 đồng (theo báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản do doanh nghiệp cung cấp đến hết năm

2025)

(4). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Hùng Vương Bình Phước.

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 51/GP-UBND ngày 07/9/2018; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 68/GP-UBND ngày 10/10/2019 cho Công ty TNHH Hùng Vương Bình Phước. Hiện trạng mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 28,7 ha.
- + Thời gian khai thác: 28,0 năm kể từ ngày cấp giấy phép.
- + Trữ lượng: 6.210.353 m³.
- + Công suất: 170.000 m³/năm (đá nguyên khối).
- + Trữ lượng còn lại: 5.870.493 m³.
- + Hiện trạng: Đang khai thác.

+ Hiện trạng thuê đất: Đã thực hiện thuê đất đối với diện tích khai thác. Cụ thể như sau: Diện tích đã thuê đất 27.523 m² (theo Hợp đồng cho thuê đất số 12/HĐTD-STNMT ngày 13/3/2023 giữa UBND tỉnh Bình Phước và Công ty TNHH Hùng Vương Bình Phước).

+ Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 9.148.216.991 đồng (theo báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản do doanh nghiệp cung cấp đến hết năm 2025)

(5). Mỏ đá cấp cho Công ty TNHH Tuấn Kiệt.

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 22/GP-UBND ngày 12/7/2012; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 34/GP-UBND ngày 10/8/2015 cho Công ty TNHH Tuấn Kiệt (điều chỉnh nâng công suất lên 300.000 m³/năm và giảm thời gian khai thác. Hiện trạng mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 17,8 ha.
- + Thời gian khai thác: 18,5 năm kể từ ngày cấp giấy phép.
- + Trữ lượng: 5.146.868 m³.
- + Công suất: 300.000 m³/năm (đá nguyên khối).
- + Trữ lượng còn lại: 3.385.524 m³.
- + Hiện trạng: Ngưng khai thác.

+ Hiện trạng thuê đất: Chưa hoàn thành thủ tục về đất (Đã xử phạt hành chính về đất năm 2022).

+ Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 3.473.545.765 đồng (theo báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản do doanh nghiệp cung cấp đến hết năm 2025)

(6). Mở đá cấp cho Công ty TNHH Đức Bình.

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 36/GP-UBND ngày 25/9/2014; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 52/GP-UBND ngày 05/7/2017 cho Công ty TNHH Đức Bình. Hiện trạng mỏ như sau:

+ Vị trí mỏ: Xã Hưng Phước, tỉnh Đồng Nai.

+ Diện tích mỏ cấp phép: 3,7 ha.

+ Thời gian khai thác: 5 năm và 05 tháng kể từ ngày cấp giấy phép.

+ Trữ lượng: 432.603 m³.

+ Công suất: 80.000 m³/năm (đá nguyên khối).

+ Trữ lượng còn lại: 257.556 m³.

+ Hiện trạng: Ngưng khai thác.

+ Hiện trạng thuê đất: Chưa hoàn thành thủ tục về đất (Đã xử phạt hành chính về đất năm 2021).

+ Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Đã thực hiện nộp tiền thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến hết năm 2025.

(7). Mở đá cấp cho Công ty cổ phần Hồng Lam.

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 68/GP-UBND ngày 19/8/2016; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 31/GP-UBND ngày 17/4/2017 cho Công ty cổ phần Hồng Lam. Hiện trạng mỏ như sau:

+ Vị trí mỏ: Xã Phú Trung, tỉnh Đồng Nai.

+ Diện tích mỏ cấp phép: 6,81 ha.

+ Thời gian khai thác: 11 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

+ Trữ lượng: 698.102 m³.

+ Công suất: 65.000 m³/năm (đá nguyên khối).

+ Trữ lượng còn lại: 257.556 m³.

+ Hiện trạng: Ngưng khai thác.

+ Hiện trạng thuê đất: Chưa hoàn thành thủ tục về đất (Đã xử phạt hành chính về đất năm 2021).

+ Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng*

sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT): Đã thực hiện nộp tiền thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến hết năm 2025.

(8). Mở đá cấp cho Công ty TNHH MTV Khai thác Khoáng sản Thiên Phúc BP.

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 08/GP-UBND ngày 01/02/2019; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 101/GP-UBND ngày 25/11/2020 cho Công ty TNHH MTV Khai thác Khoáng sản Thiên Phúc BP. Hiện trạng mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Xã Tân Tiến, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 6,81 ha.
- + Thời gian khai thác: 18 năm kể từ ngày cấp giấy phép.
- + Trữ lượng: 1.204.918 m³.
- + Công suất: 70.000 m³/năm (đá nguyên khối).
- + Trữ lượng còn lại: 1.067.322 m³.
- + Hiện trạng: Ngưng khai thác.

+ Hiện trạng thuê đất: Chưa hoàn thành thủ tục về đất (Đã xử phạt hành chính về đất năm 2021, 2022).

+ Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 11.872.239.916 đồng (theo báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản do doanh nghiệp cung cấp đến hết năm 2025)

(9). Mở đá cấp cho Công ty TNHH Đức Minh BP.

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 28/GP-UBND ngày 28/4/2016; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 70/GP-UBND ngày 15/11/2017 cho Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Minh.

Năm 2019, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 18/2/2019 về việc điều chỉnh tên đơn vị khai thác khoáng sản từ Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Minh thành Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Lợi.

Năm 2020, UBND tỉnh Bình Phước thu hồi Giấy phép số 70/GP-UBND ngày 15/11/2017 được điều chỉnh tại Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 18/2/2019 và cấp Giấy phép số 51/GP-UBND ngày 15/6/2020 cho Công ty TNHH Đức Minh BP (do chuyển nhượng Giấy phép khai thác khoáng sản). Hiện trạng mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Xã Tân Tiến, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 10,0 ha.

- + Thời gian khai thác: Đến hết ngày 15/5/2032.
- + Trữ lượng: 807.177 m³.
- + Công suất: 57.000 m³/năm (đá nguyên khối).
- + Trữ lượng còn lại: 455.768 m³.
- + Hiện trạng: Ngưng khai thác.
- + Hiện trạng thuê đất: Chưa hoàn thành thủ tục về đất (Đã xử phạt hành chính về đất năm 2021, 2022).
- + Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Đã thực hiện nộp tiền thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến hết năm 2025.

(10). Mở đá cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam Bình Phước.

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 57GP-UBND ngày 09/10/2018; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 34/GP-UBND ngày 27/5/2019 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam Bình Phước. Hiện trạng mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Xã Tân Lợi, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 17,545 ha.
- + Thời gian khai thác: 30 năm kể từ ngày cấp giấy phép.
- + Trữ lượng: 1.839.365 m³.
- + Công suất: 50.000 m³/năm (đá nguyên khối).
- + Trữ lượng còn lại: 1.640.569 m³.
- + Hiện trạng: Ngưng khai thác.
- + Hiện trạng thuê đất: Chưa hoàn thành thủ tục về đất (Đã xử phạt hành chính về đất năm 2021, 2022).
- + Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 13.870.113.435 đồng (theo báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản do doanh nghiệp cung cấp đến hết năm 2025)

11. Mở Sét gạch ngói cấp cho Công ty TNHH MTV Sản xuất thương mại Đô Thành.

a) Thủ tục pháp lý.

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 30/GP-UBND ngày 17/4/2017; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 79/GP-UBND ngày 04/9/2020 cho Công ty TNHH MTV Sản xuất thương mại Đô Thành. Hiện trạng

mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 20,7 ha.
- + Thời gian khai thác: 15,5 năm kể từ ngày cấp giấy phép.
- + Trữ lượng: 940.873 m³.
- + Công suất: 50.000 m³/năm.
- + Trữ lượng còn lại: 900.000 m³.
- + Hiện trạng: Đang khai thác.

+ Hiện trạng thuê đất: Đã thực hiện cấp Giấy CNQSDĐ đất đối với diện tích khai thác. Cụ thể như sau: Diện tích đã cấp Giấy CNQSDĐ 45.958,9 m² (theo Quyết định số 2823/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 và Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Bình Phước).

+ Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 141.797.175 đồng (theo báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản do doanh nghiệp cung cấp đến hết năm 2025)

(12). Mỏ Sét gạch ngói cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Hải Long.

a) Thủ tục pháp lý.

- UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép Thăm dò số 16/GP-UBND ngày 14/6/2012; phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 29/11/2012 và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 13/GP-UBND ngày 22/4/2014 cho Doanh nghiệp tư nhân Hải Long; được điều chỉnh trả lại một phần diện tích tại Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 04/8/2017. Hiện trạng mỏ như sau:

- + Vị trí mỏ: Phường An Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- + Diện tích mỏ cấp phép: 5,0 ha.
- + Thời gian khai thác: 12 năm kể từ ngày cấp giấy phép.
- + Trữ lượng: 296.670 m³.
- + Công suất: 60.000 m³/năm.
- + Trữ lượng còn lại: 179.620 m³.
- + Hiện trạng: Đang khai thác.
- + Hiện trạng thuê đất: Chưa hoàn thành thủ tục về đất.

+ Nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT*): Doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 1.052.837.500 đồng (theo báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản do doanh nghiệp cung cấp đến hết năm 2025)

2. Khó khăn, vướng mắc.

Đối với 12 mỏ nêu trên được cấp phép thăm dò, khai thác sau ngày 01/7/2011. UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt khu vực khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản chưa đúng với quy định về tiêu chí khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Do vậy, việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số cho 12 doanh nghiệp nêu trên không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản là không phù hợp theo quy định tại Điều 78 Luật Khoáng sản năm 2010 và điều 100, Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024.

3. Đề xuất phương án xử lý.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Địa chất và Khoáng sản 2024:

“1. Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật;

b) Khu vực được phép khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

c) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất, khu vực biển đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về biển, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và quy định khác của pháp luật có liên quan;

... ”

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND báo cáo UBND tỉnh xem xét chấp thuận thu hồi 12 Giấy phép khai thác khoáng sản số nêu trên và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản 2024.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo Tổ công tác rà soát theo Quyết định 1031/QĐ-UBND xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính (để t/h);
- GD, các Phó GD Sở;
- Lưu VT, KSTL (Tùng^{PT}).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Trọng Toàn

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 1522 /BC-SoNNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả rà soát 03 mỏ cấp phép thăm dò trước 01/7/2011 thuộc các dự án mỏ khai thác khoáng sản còn tồn đọng trên địa bàn tỉnh UBND tỉnh Bình Phước cũ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Công văn số 10600/UBND-KTN ngày 26/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giải pháp xử lý các dự án tồn đọng, vướng mắc, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc tỉnh Bình Phước cũ.

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo UBND tỉnh kết quả rà soát 03 mỏ cấp phép thăm dò trước 01/7/2011 thuộc các dự án mỏ khai thác khoáng sản còn tồn đọng trên địa bàn tỉnh UBND tỉnh Bình Phước cũ như sau:

1. Mỏ đá Mũi Tàu - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ (cấp phép thăm dò, khai thác trước ngày 01/7/2011; cấp phép thăm dò, khai thác xuống sâu sau ngày 01/7/2011 nhưng không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản).

- Mỏ đá Mũi Tàu đã được Bộ Công nghiệp cấp phép thăm dò cho Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương và được phê chuẩn báo cáo trữ lượng tại Quyết định số 2012/QĐ-CNCL ngày 08/11/1997 của Bộ Công nghiệp. Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương được UBND tỉnh Bình Phước cấp giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng số 43/GP-UB Ngày 08/09/2004, với diện tích 51,5ha, trữ lượng khai thác 18.800.000 m³, độ sâu khai thác 40m, công suất khai thác 300.000 m³/năm (giai đoạn 2005-2010) và 500.000 m³/năm (giai đoạn 2010-2034), thời gian khai thác là 30 năm.

- Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ được thành lập pháp nhân doanh nghiệp thay cho Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương khai thác khoáng sản đá xây dựng tại mỏ đá Mũi Tàu kể từ ngày 01/12/2006, được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận tại Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 22/12/2006.

Ngày 21/12/2016, Sở Tài Nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đá xây dựng tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước của Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ. Thực hiện quy trình cấp phép thăm dò theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP, Sở Tài Nguyên và Môi trường đã Niệm yết, thông báo lựa chọn tổ chức thăm dò khoáng sản tại Trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường và trang thông tin điện tử của Sở (tại Thông báo số 56/TB-STNMT ngày 22/12/2016). Kết thúc 30 ngày niêm yết theo

quy định, Sở Tài Nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh thuận chủ trương thăm và lựa chọn tổ chức thăm dò khoáng sản tại Công văn số 899/STNMT-KS ngày 25/4/2017 và được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận tại Công văn 1837/UBND-KT ngày 07/6/2017; cấp Giấy phép thăm dò số 51/GP-UBND ngày 05/7/2017. Diện tích khu vực thăm dò 51,5 ha (thăm dò nâng cấp trữ lượng).

Dự án được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xuống sâu đến cote - 20 và điều chỉnh nâng công suất khai thác - chế biến khoáng sản tại mỏ đá xây dựng Mũi Tàu, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; công suất 1.000.000 m³ đá nguyên khối/năm tương đương 1.421.000 m³ đá nguyên khai/năm tại Quyết định số 3108/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2018. UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án Đầu tư xuống sâu đến cote - 20 và điều chỉnh nâng công suất khai thác - chế biến khoáng sản từ 230.000 m³/năm (nguyên khối) lên 1.000.000 m³/năm tại Quyết định số 2606/QĐ-BTNMT ngày 13/11/2018. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 51/GPMT-BTNMT ngày 02/3/2023.

Dự án được UBND tỉnh Bình Phước cấp chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 27/12/2018, thời hạn thực hiện dự án là 23 năm.

Dự án đã được UBND Bình Phước cấp Giấy phép khai thác 01/GP-UBND ngày 08/01/2019 (Cấp lại giấy phép số 43/GP-UBND ngày 08/9/2004); Diện tích khu vực khai thác: 51,5 ha; Trữ lượng đá được phép khai thác: 22.509.268 m³; Công suất khai thác 1.000.000 m³/năm (nguyên khối); Thời gian khai thác 23 năm.

Về hiện trạng sử dụng đất: Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ đã được UBND tỉnh Bình Phước cho thuê đất để hoạt động khai thác khoáng sản với tổng diện tích 455.045,4m² và được UBND tỉnh Bình Phước cấp 02 GCNQSD đất (1) GCNQSD đất số vào số T00473 cấp ngày 18/01/2007 - diện tích 364.510,8m² và (2) GCNQSD đất số vào số T01146 cấp ngày 23/7/2008 - diện tích 90.534,6m²); diện tích còn lại, công ty chưa thỏa thuận, đền bù.

Trữ lượng nguyên khối đã khai thác tính đến 31/8/2025 là 5.782.511 m³ (theo báo cáo của công ty) Hiện nay, Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ đang hoạt động khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ nêu trên.

- Tại Thông báo số 164/TB-KTNN ngày 30/6/2021 của Kiểm toán Nhà nước về Kết luận kết quả kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Phước nhận xét (trang 2):

“- Về quy hoạch khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh khoanh định 06/42 khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định”.

Tại Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán giữa Đoàn Kiểm toán

và Sở Tài nguyên và Môi trường nêu:

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện tham mưu UBND tỉnh khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 07/9/2015, gồm 42 khu vực với tổng diện tích 2.665,5 ha và 35 km đường sông. Qua kiểm tra, rà soát cho thấy Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh khoanh định 06 khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định cụ thể như sau:

- Đối với 04 khu vực chưa được cấp phép khai thác, thăm dò trước 1/7/2011 được khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định khu vực không đấu giá tại Khoản 7, Điều 12, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ "7. Khu vực hoạt động khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 01 tháng 7 năm 2011".

+ Số quy hoạch 130 tại Tân Lập, Đồng Phú diện tích 262 ha (Diện tích 102,5 ha đã cấp giấy phép khai thác, thăm dò; Diện tích 159,5 ha chưa được cấp phép khai thác, thăm dò trước 1/7/2011).

Số quy hoạch 130 tại Tân Lập, Đồng Phú gồm các mỏ sau:

+ Mỏ đá Mũi tàu của Công ty cổ phần đá núi nhỏ 51,5 ha, giấy phép khai thác số 43/GP-UBND ngày 08/9/2004;

+ Mỏ đá của Công ty TNHH Quốc Cường Phát, diện tích 25 ha, Giấy phép thăm dò số 24/GP-UBND ngày 20/4/2011;

+ Mỏ đá suối Rạch Triết Công ty TNHH Tín Nghĩa Đức (nay là Công ty TNHH An Phú Vinh Bình Phước), diện tích 26 ha, Giấy phép thăm dò số 29/GP-UBND ngày 20/4/2011.

+ UBND tỉnh thuận chủ trương cho Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước thăm dò tại Công văn số 2397/UBND-KTN ngày 15/8/2011, diện tích 106 ha và thuận chủ trương cho Tổng Công ty Thương mại XNK Thanh Lễ TNHH MTV THALEXIM thăm dò tại Công văn số 2398/UBND-KTN ngày 15/8/2011, diện tích 50ha.

- Kết luận Thanh tra Chính phủ (năm 2024): Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 656/QĐ-TTCT ngày 20/12/2025 của Thanh Chính phủ đang thực hiện, hiện nay chưa có kết luận của Đoàn Thanh tra.

2. Mỏ đá Công ty Cổ phần Khai khoáng phát triển Rạng Đông (cấp phép thăm dò trước ngày 01/7/2011)

Ngày 10/12/2007, UBND tỉnh thuận chủ trương cho Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông được thăm dò tại Công văn số 3104/UBND-SX ngày 10/12/2007.

Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông đã được UBND

tỉnh cấp giấy phép thăm dò số 19/GP-UBND ngày 15/4/2010; phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 14/6/2012;

Dự án được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường tại Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 28/8/2014.

Dự án được UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 44.1031.000280 ngày 17/11/2014, thời gian thực hiện dự án là 30 năm.

Ngày 01/7/2015, UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản số 28/GP-UBND cho Công ty khai thác khoáng sản đá xây dựng và vật liệu san lấp. Diện tích 22ha, trữ lượng khai thác: 7.046.500 m³ đá xây dựng, 1.422.502 m³ vật liệu san lấp, công suất khai thác 250.000 m³ đá nguyên khối/năm, thời gian khai thác 30 năm.

Hiện trạng sử dụng đất: Công ty cổ phần Khai khoáng và phát triển Rạng Đông được UBND tỉnh Bình Phước cho thuê đất để khai thác khoáng sản, với diện tích 72.787,6m², tọa lạc tại xã Minh Đức, huyện Hớn Quản. Mục đích sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm. Hình thức cho thuê đất trả tiền hàng năm. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 46/HĐTD ngày 16/4/2018 với UBND tỉnh Bình Phước và được cấp GCNQSD đất số CL849998 (số vào sổ CT10685) ngày 26/4/2018. Diện tích còn lại của mỏ là đất rừng sản xuất, hiện nay công ty đang thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất hoạt động khoáng sản.

3. Mỏ đá Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước (cấp phép thăm dò trước 01/7/2011)

Mỏ đá xây dựng tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (cũ) nay thuộc xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai được UBND tỉnh cấp phép thăm dò theo Giấy phép số 29/GP-UBND ngày 18/5/2011, diện tích 26 ha; phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 14/6/2012.

Dự án được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường tại Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 20/6/2019;

Dự án được được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 13/7/2018, thời hạn thực hiện dự án là 30 năm.

Ngày 10/03/2021, UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước theo giấy phép số 18/GP-UBND. Diện tích khai thác 21,54 ha, thời gian khai thác 27 năm.

Thực hiện Thông báo số 164/TB-KTNN ngày 30/6/2021 của Kiểm toán Nhà nước về Kết luận kết quả kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2020 của

tỉnh Bình Phước (tương tự như mỏ đá Mũi Tàu), Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước phải tạm dừng thực hiện các thủ tục hành chính để rà soát nên chưa thực hiện thủ tục để thuê đất để khai thác khoáng sản, cấp giấy phép môi trường, hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép số 18/GP-UBND ngày 10/03/2021 của UBND tỉnh chưa thực hiện.

Hiện nay, Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Bình Phước chưa hoạt động khai thác khoáng sản.

4. Danh mục hồ sơ của 03 mỏ

(Có danh mục kèm theo)

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các Phó GD Sở;
- Lưu VT, KSTL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Trọng Toàn

Số: 1634/STC-KTN

Đồng Nai, ngày 07 tháng 02 năm 2026

V/v báo cáo đề xuất nội dung cụ thể để giải quyết các vấn đề khó khăn vướng mắc của các dự án tồn đọng theo các văn bản mới do Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính chỉ đạo, thông báo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 1293/UBND-KTN ngày 23/01/2026, Văn bản số 1308/UBND-KTN ngày 26/01/2026, Văn bản số 1545/UBND-KTN ngày 29/01/2026, Văn bản số 1653/UBND-KTN ngày 30/01/2026 về rà soát danh mục các dự án khó khăn, vướng mắc tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh.

Sau khi rà soát dung tháo gỡ khó khăn vướng mắc đối với các dự án thuộc danh mục báo cáo Ban chỉ đạo 751 Quốc gia thì trong thời gian vừa qua Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính kính báo như sau:

A. Các Văn bản quy định, chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương

1. Quy định tại mục 14 của Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 (có hiệu lực từ ngày 25/01/2025) của Quốc hội:

“Cho phép mở rộng việc áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án có tình huống pháp lý tương tự và được xác định thời điểm sai phạm, vi phạm trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án trước ngày Nghị quyết Kỳ họp này được ban hành trên phạm vi cả nước. Việc thực hiện nội dung này phải bảo đảm tuân thủ đầy đủ nguyên tắc quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội và các nguyên tắc khác đã được Bộ Chính trị chỉ đạo.

Giao Chính phủ quy định hướng dẫn và ban hành danh mục các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án đáp ứng đủ điều kiện được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù nêu trên, phù hợp với kết luận, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của danh mục các dự án, đất đai. Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm thực hiện kiểm toán việc xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các dự án, đất đai thuộc danh mục các dự án, đất đai.

Trong quá trình áp dụng quy định này mà các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có quy định thuận lợi hơn thì được lựa chọn áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.”

2. Nội dung Quy định và chỉ đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

a) Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ về triển khai tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

“2. Thanh tra Chính phủ và cơ quan thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Chủ trì, chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ các kết luận thanh tra liên quan đến danh mục dự án thuộc Kế hoạch thanh tra số 1505/KH-TTCP ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Thanh tra chính phủ và dự án ngoài Kế hoạch số 1505/KH-TTCP ngày 24 tháng 7 năm 2025 mà cơ quan thanh tra đã thực hiện thanh tra và Kết luận thanh tra để các bộ, cơ quan trung ương và địa phương rà soát các dự án đủ điều kiện áp dụng Nghị quyết số 170/2024/QH15 để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ ban hành danh mục dự án, đất đai theo quy định tại Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

- Chủ trì tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kết luận số 77-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 170/2024/QH15 và Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội (đối với nội dung liên quan đến tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài) báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Chịu trách nhiệm rà soát danh mục các dự án, đất đai đề nghị cho phép áp dụng cơ chế, chính sách được Quốc hội quyết nghị tại mục 14 Nghị quyết số 265/2025/QH15 trên địa bàn của mình đảm bảo bám sát nguyên tắc tại Nghị quyết số 170/2024/QH15 của Quốc hội và Kết luận số 182-KL/TW của Bộ Chính trị; hoàn thiện các thông tin còn thiếu gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ ban hành danh mục dự án, đất đai theo quy định tại Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội đối với nội dung tháo gỡ khó khăn vướng mắc của các dự án được Chính phủ phê duyệt cho phép tháo gỡ đảm bảo các điều kiện, nguyên tắc áp dụng nêu tại các Nghị quyết của Quốc hội, chịu trách nhiệm theo thẩm quyền.

- Chịu trách nhiệm toàn diện, chủ động trong triển khai thực hiện và tháo gỡ ngay cho các dự án thuộc thẩm quyền xử lý của địa phương; định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả xử lý trên Hệ thống 751 và báo cáo bằng văn bản về Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; kịp thời báo cáo các vấn đề vượt thẩm quyền trong quá trình thực hiện.

- Tiếp tục cập nhật danh mục, thông tin các dự án theo phân loại trên Hệ thống 751 và hướng dẫn của Bộ Tài chính nhằm xử lý dứt điểm theo đúng thẩm quyền hoặc đề xuất giải pháp, cơ chế chính sách vượt thẩm quyền; không để sót, để lọt các dự án cần được tháo gỡ khó khăn, vướng mắc mà đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được xử lý, giải quyết, nhất là các dự án đã có kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án, tình huống pháp lý tương tự”.

b) Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại mục 1.II của Thông báo số 18/TB-VPCP ngày 09/01/2016 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án:

“(ii) Quan điểm chỉ đạo

(1) Việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các dự án là vấn đề khó, phức tạp, nhạy cảm; không cầu toàn, không nóng vội nhưng không bỏ lỡ cơ hội. Các bộ, cơ quan, địa phương phải huy động tinh thần dám nghĩ, dám làm để giải quyết dứt điểm các công việc phát sinh. Đây là nhiệm vụ phải làm thường xuyên, liên tục, tổng thể trên tất cả các lĩnh vực, kịp thời đề xuất bổ sung các cơ chế, chính sách trong quá trình thực hiện để khơi thông, giải phóng nguồn lực đang tồn đọng, giải quyết bức xúc của người dân và doanh nghiệp.

(2) Phải xử lý dứt điểm vướng mắc của các dự án thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, không né tránh, không đùn đẩy trách nhiệm. Người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương phải chịu trách nhiệm trước Chính phủ về vấn đề này. Trên cơ sở báo cáo của Bộ Tài chính về tình hình, kết quả triển khai tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng, kéo dài (theo Đề án 751), các bộ, ngành, địa phương chủ động, phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo 751 để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quan trọng và cấp bách này.

(3) Đối với những dự án cần thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thì khẩn trương tiếp tục làm, không né tránh; tập trung đề xuất giải pháp tháo gỡ, giải phóng nguồn lực, khắc phục khó khăn, vướng mắc và hậu quả để sớm đưa dự án vào khai thác, tránh để lãng phí, thất thoát.

(4) Tinh thần làm việc phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, làm việc nào ra việc đó; phân công rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền; bổ sung và thường xuyên giám sát, kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương. Các bộ, ngành không trông chờ phê duyệt, chỉ thị thực hiện các dự án, các dự án cụ thể cần đẩy mạnh phân cấp cho địa phương theo tinh thần địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm.

(iii) Nhiệm vụ trong thời gian tới

Để góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong những năm tiếp theo, tạo không gian, dư địa cho sự phát triển, tránh thất thoát, lãng phí tài nguyên đất đai và củng cố niềm tin cho doanh nghiệp và nhà đầu tư, yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) **Bộ Tài chính chủ trì phối hợp** với Thanh tra Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, cơ quan, địa phương khẩn trương tổng hợp, trình **Chính phủ ban hành danh mục các dự án, đất đai** đáp ứng đủ điều kiện áp dụng cơ chế, chính sách tại Nghị quyết 170/2024/QH15 theo đúng nhiệm vụ được Quốc hội giao tại mục 14, Nghị quyết 265/2025/QH15 để các địa phương có cơ sở triển khai ngay trong tháng 01 năm 2026; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết về cơ chế tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án BT chuyển tiếp trong tháng 01 năm 2026; rà soát, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ thông báo danh mục các dự án khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền xử lý của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương được tổng hợp trên Hệ thống 751 để các bộ, cơ quan, địa phương chủ động xử lý theo thẩm quyền; tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả xử lý các dự án khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền xử lý của các bộ, cơ quan, địa phương; đảm bảo mở Hệ thống 751 để các bộ, cơ quan, địa phương tiếp tục cập nhật danh mục, thông tin các dự án phân loại trên Hệ thống 751 và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

(2) Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan khẩn trương triển khai thực hiện các quy định của Nghị quyết 170/2024/QH15, Nghị định 76/2025/NĐ-CP theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao trong tháng 01 năm 2026; trong quá trình triển khai thực hiện nếu có nội dung phát sinh vướng mắc thì báo cáo các cấp có thẩm quyền để xem xét.

(3) Các bộ, cơ quan, địa phương khẩn trương đề xuất phương hướng, giải pháp tháo gỡ nhóm các vấn đề khó khăn, vướng mắc chưa có quy định của pháp luật, báo cáo rõ về thẩm quyền xử lý; trên cơ sở đó khẩn trương báo cáo các cấp có thẩm quyền cho chủ trương, cơ chế tháo gỡ”.

3. Nội dung hướng dẫn của Bộ Tài chính

a) Văn bản số 833/BC-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính báo cáo tại Hội nghị toàn quốc về báo cáo kết quả hoạt động của Ban chỉ đạo 751 và phổ biến Nghị quyết kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV liên quan đến tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài; gồm:

- Bộ Tài chính xác định danh sách 18 dự án của tỉnh Đồng Nai được đề xuất áp dụng cơ chế chính sách tại Nghị quyết 170/2024/NQ-QH

- Bộ Tài chính lấy ý kiến về dự thảo 02 Nghị quyết triển khai của Chính phủ (Nghị quyết về triển khai tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài và Nghị quyết về cơ chế tháo gỡ xử lý vướng mắc đối với dự án BT chuyển tiếp)

b) Văn bản số 908/BC-BTC ngày 23/01/2026 của Bộ Tài chính

“- Đề nghị các địa phương rà soát, cập nhật và điều chỉnh các dự án nêu trên vào hệ thống 751 thuộc Nhóm 5 (nhóm các dự án khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền xử lý của các Bộ, ngành địa phương) để Ban chỉ đạo theo dõi, đôn đốc kết quả xử lý.

- Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính thông báo danh mục các dự án khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền xử lý của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương được tổng hợp trên Hệ thống 751 tính đến hết ngày 10/01/2026 (Chi tiết tại Phụ lục 1. Phụ lục 2 kèm theo) và danh mục các dự án khó khăn, vướng mắc Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ đề nghị địa phương xử lý theo thẩm quyền hoặc giao Bộ Tài chính có văn bản gửi địa phương xử lý (Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo). Căn cứ kết quả giải quyết, xử lý vướng mắc, khó khăn các dự án theo thẩm quyền, đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương định kỳ vào ngày 25 hằng tháng báo cáo kết quả xử lý trên Hệ thống 751 và gửi văn bản về Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ (Bộ Tài chính sẽ có văn bản hướng dẫn chi tiết cập nhật, báo cáo kết quả xử lý trên Hệ thống 751)”.

Theo đó, căn cứ danh mục dự án thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tại Văn bản số 833/BC-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính thì tỉnh Đồng Nai có 111 dự án thuộc thẩm quyền xử lý của tỉnh Đồng Nai (gồm 97 dự án tại biểu tổng hợp Phụ lục 1 và danh sách chi tiết tại Phụ lục 1.5 và 14 dự án tại biểu phụ lục 2.3 tại văn bản nêu trên). Tuy nhiên, qua rà soát các văn bản nêu trên của Quốc Hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính hướng dẫn thì tỉnh Đồng Nai, Sở Tài chính kiến nghị đề xuất danh mục địa phương tự xử lý là 150 dự án (bổ sung thêm 39 dự án ngoài danh mục 111 dự án do Bộ Tài chính công bố, Chi tiết Phụ lục 02).

Sở Tài chính rà soát các nội dung quy định, chỉ đạo và hướng dẫn của Trung ương và báo cáo, đề xuất UBND tỉnh báo cáo Tỉnh ủy như sau:

B. Về các quan điểm đề xuất Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính theo các văn bản nêu trên như sau:

I. Đối với 18 dự án đủ điều kiện để tiếp tục triển khai thực hiện

- Đối với cụm từ *“đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án có tình huống pháp lý tương tự”* được nêu tại Nghị quyết số 265/2025/QH15 thì được Chính phủ, Bộ Tài chính xác định cụ thể bằng danh mục đối với các dự án. Theo đó, Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện để tiếp tục triển khai tại Văn bản số 833/BC-BTC ngày 29/12/2025 nêu trên thì việc tiếp tục triển khai dự án sẽ thực hiện sau khi các bộ ngành có hướng dẫn cụ thể theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 17/NQ-CP. Ngoài ra, việc tiếp tục thực hiện các dự án này sẽ phải đảm bảo theo nguyên tắc do Quốc hội quy định tại Nghị quyết 265/QH15: *Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm thực hiện kiểm toán việc xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các dự án, đất đai.*

II. Đối với các dự án qua rà soát xác định việc xử lý các khó khăn vướng mắc là do tỉnh Đồng Nai tự thực hiện

Theo nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo Kết luận số 18/TB-VPCP: *“Phải xử lý dứt điểm vướng mắc của các dự án thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, không né tránh, không đùn đẩy trách nhiệm. Người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương phải chịu trách nhiệm trước Chính phủ về vấn đề này”* và Văn bản số 833/BC-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính về xác định tỉnh Đồng Nai có 111 dự án do tỉnh đề xuất tự xử lý

Sở Tài chính, UBND tỉnh đã có các văn bản báo cáo; trong đó nhận định các khó khăn vướng mắc này thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương là **150 dự án**. Do vậy, kiến nghị Tỉnh ủy, UBND tỉnh có chỉ đạo về nội dung để các sở ngành địa phương thực hiện hoặc thống nhất việc không còn khó khăn vướng mắc đối với một số dự án; việc thực hiện này sẽ giảm bớt số dự án phải tiếp tục kiến nghị các Bộ ngành TW xem xét xử lý.

Về số liệu khác nhau giữa văn bản của Bộ Tài chính (**111 dự án**) và số liệu do Sở Tài chính đề xuất tại văn bản này (**150 dự án, thêm 39 dự án**) là do các nguyên nhân như sau:

- Sở Tài chính chuyển nhóm 34 dự án đề nghị đưa ra khỏi danh sách theo dõi của Ban Chỉ đạo tại Phụ lục 7 (*Nhóm không còn khó khăn, vướng mắc đã nhập trên hệ thống 751*) sang nhóm địa phương tiếp tục tự xử lý (dự kiến sẽ đưa ra khỏi danh mục khó khăn, vướng mắc).

- Sở Tài chính chuyển 02 dự án tại Phụ lục 6 (*Nhóm kiến nghị Chính phủ, Bộ Tài chính hướng dẫn tại Nhóm 6 Phụ lục 6*) qua địa phương tự xử lý.

- Sở Tài chính chuyển nhóm 02 dự án (*gồm 01 dự án khu dân cư được thoả thuận địa điểm đầu tư trước ngày 01/7/2014 nhưng chưa thực hiện công tác bồi thường GPMB và đã được UBND tỉnh chấp thuận cho phép nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng và 01*

dự án điện tại Phụ lục 3 Nhóm 3 thuộc nhóm kiến nghị Trung ương xem xét bổ sung chính sách tháo gỡ khó khăn) sang nhóm địa phương tự rà soát, tháo gỡ.

- Sở Tài chính chuyên 01 dự án tại Phụ 6 (Nhóm dự án BT sang) để địa phương tự xử lý.

III. Đối với 110 dự án tiếp tục đề xuất kiến nghị Bộ ngành TW có giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc:

Theo nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo Kết luận số 18/TB-VPCP: “(3) Các bộ, cơ quan, địa phương khẩn trương đề xuất phương hướng, giải pháp tháo gỡ nhóm các vấn đề khó khăn, vướng mắc chưa có quy định của pháp luật, báo cáo rõ về thẩm quyền xử lý; trên cơ sở đó khẩn trương báo cáo các cấp có thẩm quyền cho chủ trương, cơ chế tháo gỡ”.

Sở Tài chính kiến nghị về việc tiếp tục báo cáo Ban chỉ đạo 751 về các dự án, tiếp tục đề nghị các Quốc hội, Chính phủ và các bộ ngành tháo gỡ, với khoảng **110 dự án** (trong đó, bao gồm 34 dự án đã giao đất nhưng chưa có kết luận tranh tra, kiểm tra và 24 dự án nhà đầu tư đã chuyển tiền cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất bồi thường, chi trả cho người dân nhưng chưa được giao đất).

* **Riêng nhóm 34 dự án** đã được giao đất, cho thuê đất một phần hoặc toàn bộ những chưa có kết luận thanh tra, kiểm tra (chưa đủ điều kiện để áp dụng khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 170/2024/QH15, Nghị quyết số 265/2025/QH15; Nghị quyết 17/NQ-CP.

Căn cứ theo nội dung chỉ đạo của **Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo Kết luận số 18/TB-VPCP** “Đối với những dự án cần **thanh tra, kiểm tra, kiểm toán** thì **khẩn trương tiếp tục làm, không né tránh; tập trung đề xuất giải pháp tháo gỡ, giải phóng nguồn lực, khắc phục khó khăn, vướng mắc và hậu quả để sớm đưa dự án vào khai thác, tránh để lãng phí, thất thoát**”:

Sở Tài chính kiến nghị UBND tỉnh, Tỉnh ủy xem xét chấp thuận chủ trương giao Thanh tra tỉnh trên cơ sở các **nội dung của kết luận thanh tra đã có đối với 02 dự án¹** (trong Kế hoạch Thanh tra số 1505/KH-TTCP ngày 22/7/2025 của Thanh tra Chính phủ và Thanh tra tỉnh thực hiện thanh tra và đã kết luận, kiến nghị Thanh tra Chính phủ tổng hợp khó khăn, vướng mắc chung theo Kế hoạch số 1505/KH-TTCP) có **tính chất tương tự như 34 dự án đã được giao đất cho thuê đất (toàn bộ hoặc một phần) tuy nhiên chưa có kết luận thanh tra, kiểm tra để đề xuất nội dung thanh tra hoặc kiểm tra**. Trên cơ sở kết quả thanh tra hoặc kiểm tra này thì đề xuất Bộ Tài chính tổng hợp (theo chỉ đạo về trách nhiệm của các địa phương về: *Tiếp tục cập nhật danh mục, thông tin các dự án theo phân loại trên Hệ thống 751 và hướng dẫn của Bộ Tài chính nhằm xử lý dứt điểm theo đúng thẩm quyền hoặc đề xuất giải pháp, cơ chế chính sách vượt thẩm quyền; không để sót, để lọt các dự án cần được tháo gỡ khó khăn, vướng mắc mà đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được xử lý, giải quyết*). Trên cơ sở kết quả thanh tra/kiểm tra thực hiện báo cáo Bộ Tài chính Chính phủ ban hành danh mục bổ sung cho phép áp dụng các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc theo Nghị quyết số 265/2025/QH15; Nghị quyết 17/NQ-CP.

¹ (1) Dự án xây dựng khu dân cư theo quy hoạch của Công ty Cổ phần Nông sản Đông Việt và (2) Dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại xã An Phước của Công ty TNHH Xây dựng Nông nghiệp Thái Thành Tài

C. Nội dung cụ thể hóa các đề xuất kiến nghị như sau:

I. Dự kiến tháo gỡ được 18 dự án theo thẩm quyền của Quốc hội (chi tiết Phụ lục 01):

Theo Báo cáo của Bộ Tài chính tại Báo cáo số 833/BC-BTC ngày 29/12/2025; tỉnh Đồng Nai có 18 dự án dự kiến sẽ áp dụng khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 170/2024/QH15, mục 14 Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Việc tiếp tục triển khai dự án sẽ thực hiện sau được Chính phủ ban hành Nghị quyết và các Bộ ngành có hướng dẫn cụ thể, chi tiết phương án tháo gỡ theo chỉ đạo của Chính phủ tại khoản 1, khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 17/NQ-CP:

“1. Bộ Tài chính

Báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc tổng hợp danh mục các dự án, đất đai được Quốc hội cho phép mở rộng việc áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án có tình huống pháp lý tương tự và được xác định thời điểm sai phạm, vi phạm trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án trước ngày Nghị quyết Kỳ họp này được ban hành trên phạm vi cả nước tại Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025; chủ trì, tổng hợp trình Chính phủ ban hành Nghị quyết trong Quý I năm 2026”.

II. Nhóm 150 dự án thuộc thẩm quyền xử lý của địa phương (Chi tiết Phụ lục 02):

1. Giao Sở Nông Nghiệp và Môi trường chủ trì rà soát tham mưu đối với 114 dự án, gồm:

- Đối với Dự án Khu đô thị xi măng Hà Tiên (Do dự án không tiếp tục triển khai thực hiện và dự án không thực hiện thủ tục đầu tư theo Luật Đầu tư. Do đó, kiến nghị UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện quy trình thu hồi đất để bàn giao quỹ đất về cho địa phương quản lý, sử dụng theo quy định.

- Đối với khu đất khoảng 180 ha thuộc Khu đô thị Sơn Tiên: thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Quản lý đất đai - Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất về việc thực hiện đầu tư khu đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. Do đó, kiến nghị UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tham mưu UBND tỉnh xử lý thu hồi khu đất để thực hiện đấu giá theo quy định.

- Đối với 02 dự án Trang trại chăn nuôi heo của Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn và Công ty TNHH sản xuất thương mại Thuận Phát Lộc).

Kiến nghị UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu văn bản của UBND tỉnh thông báo nội dung về việc dự án không trùng lặp quy hoạch Bauxite nêu trên và các sở ngành, địa phương tiếp tục rà soát thực hiện kết luận của Thanh tra Chính phủ và thực hiện dự án đảm bảo theo quy định hiện hành.

- **Đối với 01 mỏ** được cấp phép phục vụ các công trình giao thông nhưng nay các công trình này đã hoàn thành; hiện nay đã nộp hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ. Kiến nghị UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện theo quy định.

- **Đối với 22 dự án** mở khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Kiến nghị UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, rà soát, tham mưu UBND tỉnh thực hiện tháo gỡ khó khăn vướng mắc theo thẩm quyền (19 mỏ chấm dứt, thu hồi để đầu tư lại và 03 mỏ được tiếp tục triển khai thực hiện đã cấp phép thăm dò trước ngày 01/7/2011 nên không thuộc trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản).

- **Đối với 85 dự án²** khu dân cư thuộc (63 dự án thuộc tỉnh Đồng Nai cũ và 22 dự án thuộc tỉnh Bình Phước cũ) thuộc trường hợp thực hiện nhận chuyển nhượng đất để đầu tư các dự án nhà ở thương mại theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 của Quốc hội (các dự án này chưa thực hiện thủ tục về đất đai, chưa được giao đất cho thuê đất, chưa triển khai xây dựng).

+ Đối với nhóm dự án thuộc trường hợp thực hiện theo Nghị quyết số 171/2024/QH15: Kiến nghị UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát danh sách các dự án đã đăng ký thực hiện thí điểm nhận chuyển nhượng để tham mưu UBND tỉnh sớm xử lý theo quy định.

+ Đối với nhóm dự án thuộc trường hợp đấu thầu lựa chọn lại nhà đầu tư:

Sau khi rà soát các dự án không thuộc trường hợp thực hiện theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 (không đảm bảo hoặc nhà đầu tư không thực hiện) thì đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo lại UBND tỉnh để giao Sở Tài chính để rà soát đề xuất việc đấu thầu lựa chọn lại Nhà đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai³.

+ Đối với nhóm các dự án không đảm bảo điều kiện để thí điểm nhận chuyển nhượng theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 hoặc đấu thầu lựa chọn lại nhà đầu tư theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND hoặc nhà đầu tư không thực hiện theo 02 nội dung trên thì Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh xử lý theo hướng chấm dứt hoạt động dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định có liên quan.

- **02 dự án thủy điện Thống Nhất và Đức Thành:** đã có Kết luận thanh tra số 05/KL-TT ngày 15/9/2025 của Thanh tra tỉnh và Kết luận số 399/KL-TTCTP ngày 15/10/2025 Thanh tra Chính phủ. Trước đây dự án do UBND tỉnh Bình Phước cũ xác nhận là có vướng quy hoạch Bô xít nên đã nhập liệu trên hệ thống 751. Tuy nhiên đến nay Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra lại đã có xác định 02 dự án không chồng lấn quy hoạch Bô xít, vì vậy kiến nghị UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu văn bản của UBND tỉnh thông báo nội dung về việc dự án không trùng lặp quy hoạch Bauxite nêu trên và các sở ngành, địa phương tiếp tục rà soát thực hiện kết luận của Thanh tra Chính phủ và thực hiện dự án đảm bảo theo quy định hiện hành.

² Khu dân cư Long Phát của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Linh Long Phát đã chấm dứt, thu hồi tại Đã chấm dứt theo VB số 8986/STC-KTN ngày 30/12/2025.

³ Đối với khu vực đô thị phải có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên và quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch phân khu 1/2000; khu vực nông thôn phải có quy mô dân số tối thiểu của một đơn vị ở là 4.000 người và quy hoạch chi tiết

2. Giao Sở Xây dựng⁴ chủ trì rà soát tham mưu đối với 01 dự án:

Đối với 01 dự án Khu nhà ở gia đình cán bộ, chiến sỹ, nhân viên Bộ Tư lệnh Binh đoàn 16 (trước đây được UBND tỉnh Bình Phước nhập trên hệ thống 751 là dự án có tính giao đất “công” không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất tương tự nội dung Kết luận 2299/KL-TTCT của Thanh tra Chính phủ). Do dự án thực hiện theo chủ trương của Bộ Quốc phòng (*dự án thực hiện theo mục tiêu phát triển nhà ở trong quân đội*) không thực hiện theo Luật Đầu tư (dự án được UBND tỉnh giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu tại Văn bản số 3052/UBND-KT ngày 08/9/2017). Vì vậy, Sở Tài chính kiến nghị UBND giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tư lệnh Binh đoàn 16, UBND cấp xã nơi có dự án rà soát, tham mưu UBND tỉnh xử lý các nội dung liên quan đến dự án theo quy định.

3. Giao Công an tỉnh chủ trì thực hiện đối với 02 dự án:

- Khu dân cư Kiên Cường Phát của Công ty TNHH Bất động sản Kiên Cường Phát (dự án chuyên mục đích sử dụng đất và đã triển khai hoàn thành hạ tầng kỹ thuật) đã khởi tố dự án. Do đó, sau khi có bản án sẽ đề xuất các giải pháp tiếp theo.

- Dự án Khu dân cư mật độ thấp và du lịch sinh thái thác Giang Điền do Công ty Cổ phần Du lịch Giang Điền làm Chủ đầu tư (dự án được UBND tỉnh thoả thuận địa điểm và chấp thuận chủ trương để thực hiện mục tiêu du lịch sinh thái, sau đó tiếp tục được thoả thuận địa điểm đầu tư có mục tiêu khu dân cư nhưng chưa có được cấp chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư; tuy nhiên nhà đầu tư đã đầu tư, xây dựng hạ tầng. Do đó, UBND tỉnh đã ban hành Kết luận thanh tra số 02/KL-UBND về việc thanh tra toàn diện đối với dự án. Hiện nay đang khắc phục theo kết luận thanh tra. Nhà đầu tư đã bán khoảng 1.267 lô đất cho người dân khi chưa đủ điều kiện. Ngày 23/6/2024, Cơ quan Công an tỉnh đã khởi tố vụ án lừa dối khách hàng đối với chủ đầu tư dự án.

Kiến nghị: Giao Công an tỉnh thông tin, hướng dẫn, sau khi có kết luận điều tra, bản án của toàn án để thực hiện.

4. Giao Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chủ trì thực hiện việc tham mưu về xử lý chồng lấn quy hoạch đất quốc phòng đối với 04 dự án:

- 04 dự án mỏ đá xây dựng thuộc mỏ đá (thuộc cụm mỏ đá Núi Gió): Kiến nghị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh làm việc với cấp có thẩm quyền về xử lý chồng lấn quy hoạch đất quốc phòng. Trên cơ sở ý kiến của cấp có thẩm quyền và kết luận của Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 656/QĐ-TTCT ngày 20/12/2024 về Thanh tra Chính phủ thanh tra về khoáng sản; Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh các nội dung triển khai kết luận Thanh tra

5. Giao Sở Tài chính chủ trì rà soát tham mưu đối với 05 dự án:

- Rà soát việc thực hiện đối với 05 dự án đến nay đã chấm dứt hoạt động của dự án.

6. Kiến nghị UBND tỉnh đối với 23 các dự án đến nay xác định lại không có khó khăn vướng mắc và giao sở, ngành và địa phương rà soát việc chấp hành các quy

⁴ Riêng dự án Cải tạo cảnh quan và phát triển đô thị ven sông Đồng Nai của Công ty Cổ phần Đầu tư - xây dựng - kiến trúc Toàn Thịnh Phát: đã được Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh về việc bãi bỏ quyết định chấp thuận đầu tư dự án do dự án có phần diện tích đất mặt nước (đất do nhà nước quản lý) tại Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (do đó không còn vướng mắc).

định của pháp luật theo phân cấp và chức năng nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước đối với dự án, trong đó:

- **Đối với 11 dự án** UBND tỉnh giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo Kết luận số 2299/KL-TTCTP ngày 12/8/2015 của Thanh tra Chính phủ:

UBND tỉnh qua rà soát đã báo cáo Ban thường vụ Tỉnh ủy về việc nay UBND tỉnh Bình Phước đã thực hiện hoàn thành các nội dung khắc phục theo Kết luận Thanh tra số 2299/KL-TTCTP của Thanh tra Chính phủ; các dự án này đến nay không còn phát sinh khó khăn vướng mắc. Sở Tài chính kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở ngành địa phương và chủ đầu tư hoàn thiện các thủ tục để hoàn thành dự án theo các quyết định chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.

- **Đối với 01 dự án** Trung tâm thương mại Đồng Xoài: thực hiện theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, là dự án không có khó khăn vướng mắc và nhà đầu tư tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.

- **06 dự án** chưa thực hiện thủ tục đầu tư và chưa triển khai xây dựng theo quy định của Luật Đầu tư.

- **Đối với 04 dự án** đã đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động, không có vướng mắc, không thực hiện thủ tục cấp phép đầu tư đối với dự án theo Luật Đầu tư.

- **Dự án Lộ ra 110kV trạm 220kV An Phước** của Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai đã thi công trước khi nộp hồ sơ chủ trương đầu tư, tuy nhiên dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 01/10/2025 nên Sở Tài chính kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở ngành tiếp tục triển khai dự án theo hồ sơ đã được phê duyệt.

7. Đối với 25 dự án có tính chất tương tự các dự án đã được Kiểm toán nhà nước kết luận (các dự án này chưa được giao đất, cho thuê đất):

Nhóm 25 dự án này chưa được giao đất, cho thuê đất nhưng nhà đầu tư thực hiện thủ tục tạm ứng kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng từ nguồn vốn của nhà đầu tư chuyển cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất cấp huyện cũ để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và chi trả cho người dân với 24/25 dự án (riêng 01 dự án Khu đô thị mới KN Biên Hòa chưa thực hiện thủ tục đất đai, bồi thường do UBND có văn bản chấp thuận cho nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng tại Văn bản số 4792/UBND-KT ngày 02/7/2012).

Hiện nay, qua rà soát các nội dung, phương án tháo gỡ khó, vướng mắc được quy định tại Nghị quyết 170/2024/QH15, mục 14 Nghị quyết số 265/2025/QH15 và điểm d, điểm đ khoản 9 Điều 4 Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thì nhóm 25 dự án này không thuộc đối tượng, phương án được tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Đồng thời, việc rà soát chấm dứt các dự án nêu trên sẽ phát sinh: (1) Về hoàn trả nghĩa vụ tài chính đối với các nhà đầu tư tạm ứng kinh phí trước đây và (2) việc quản lý sử dụng các thửa đất mà người dân đã nhận tiền bồi thường để đấu giá quyền sử dụng đất sẽ có nguy cơ phát sinh tình hình khiếu nại, khiếu kiện và tranh chấp giữa nhà đầu tư với nhà nước.

Do đó, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với 25 dự án nêu trên, Sở Tài chính kiến nghị UBND tỉnh thống nhất việc không tiếp tục kiến nghị TW giải quyết khó khăn vướng mắc đối với dự án; đồng thời, giao Sở Tài chính làm việc với chủ đầu tư và các sở

ngành để đề nghị nhà đầu tư thực hiện theo Nghị quyết số 171/2025/QH15 hoặc đấu thầu lựa chọn lại nhà đầu tư theo quy định tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, trường hợp nhà đầu tư không thực hiện thì chấm dứt thu hồi dự án theo quy định của tại khoản 10 Điều 16 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; trên cơ sở kết quả làm việc với nhà đầu tư và phân loại phương án xử lý đối với từng nhà đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ cho chủ trương chỉ đạo trước khi tiến hành thực hiện theo quy định.

8. Giao Sở Tài chính tham mưu đối với 01 Dự án thực hiện theo hình thức BT

Dự án đầu tư xây dựng mới đường Minh Hưng – Đồng Nơ (được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 28/3/2012, tổng vốn đầu tư 983 tỷ đồng, có mục tiêu xây dựng đường giao thông – theo hình thức hợp đồng BT). Theo đó, đối với giá trị còn lại của hợp đồng BT chưa thanh toán và chi phí quá hạn do chậm thanh toán; UBND tỉnh dự kiến thực hiện thanh toán bằng tiền (thay vì các khu đất dân cư đối ứng còn lại; hiện có giá trị quỹ đất rất lớn) theo quy định tại Nghị quyết được Chính phủ ban hành về cơ chế tháo gỡ, xử lý vướng mắc đối với các dự án BT chuyển tiếp.

III. Đối với 110 dự án tiếp tục đề xuất Ban Chỉ đạo 751 về giải pháp tháo gỡ (Chi tiết Phụ lục 03):

1. Đối với nhóm 52 dự án

a) 04 dự án/khu đất vướng mắc đề xuất xử lý theo thẩm quyền Chính phủ, Thủ tướng Chính, Bộ ngành trung ương gồm

+ Khu dân cư theo quy hoạch của Công ty TNHH MTV Địa ốc cao su Đồng Nai (đã tạm ứng số tiền sử dụng đất nhưng chưa được chấp thuận chủ trương, khu đất trồng cao su do tổng công ty cao su quản lý, sử dụng). Kiến nghị tiếp tục báo cáo Ban Chỉ đạo 751 hướng dẫn, chỉ đạo thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và thanh toán nguồn kinh phí doanh nghiệp đã tạm ứng vào ngân sách).

+ 03 Dự án: (1) Khu đô thị du lịch Long Tân tại xã Long Tân và xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch do Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC), (2) Khu dân cư của Công ty Cổ phần Ngũ Long Tân (đang bị cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố, dự án đã giao đất 01 phần) (3) Dự án Sen Việt Công Thương: Theo đó, 03 dự án này được Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản bản chấp thuận đầu tư, tại Tờ trình của UBND tỉnh và văn bản thẩm định của Bộ Xây dựng thì có đầy đủ các thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2014; tuy nhiên tại văn bản chấp thuận đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với 03 dự án này không có các nội dung về: nhà đầu tư, quy mô, tổng vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án... cho nên UBND tỉnh chưa có cơ sở để tiếp tục chỉ đạo thực hiện. Kiến nghị tiếp tục chờ ý kiến hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ và Bộ ngành trung ương để thực hiện.

b) Đối với 08 dự án đường dây truyền tải điện:

Theo đó, các dự án chưa có chủ trương đầu tư, chưa giao đất nhưng đã triển khai thi công xây dựng hoàn thành hoặc đang thi công xây dựng vi phạm nguyên tắc đầu tư theo Điều 42 Luật Đầu tư và chưa đảm bảo quy hoạch (chồng lấn đất quốc phòng đối với dự án (1) và quy hoạch bô xít đối với dự án (2, 3).

c) Đối với 38 dự án nằm chồng lấn ranh quy hoạch thăm dò, khai thác bô xít được Kiểm toán nhà nước kết luận (trong đó có 01 dự án Khu dân cư Đức Liễu được chấp thuận Nhà đầu tư không thông qua đấu thầu, nhưng chưa được giao đất cho thuê đất) gồm: 17 dự án qua rà soát thì đến nay đã hoàn thành đi vào hoạt động; 03 dự án đã triển khai đầu tư, xây dựng nhưng chưa đi vào hoạt động; 18 dự án chưa triển khai xây dựng. Sở Tài chính đã báo cáo UBND tỉnh cập nhật hệ thống 751. Do đó, chờ ý kiến hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương để có cơ sở xử lý.

d) Đối với 2 dự án chưa được giao đất nhưng đã triển khai đầu tư, xây dựng và có bản án, Kết luận Thanh tra:

- Dự án Khu dân cư Tân Thịnh của Công ty Cổ phần Đầu tư LDG - dự án chưa được chuyển mục đích sử dụng đất, chưa được giao đất, chưa đủ điều kiện khởi công xây dựng nhưng Nhà đầu tư đã tiến hành đầu tư xây dựng, kinh doanh sản phẩm dự án và dự án có Kết luận Thanh tra, kết luận điều tra, bản án của Toà án.

- 01 dự án Khu dân cư Tân Phước 1: dự án theo Kết luận Thanh tra Bộ Xây dựng số 132/KL-TTr ngày 27/9/2023. Dự án đã được chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất tại Quyết định số 2648/QĐ-UBND ngày 31/01/2021. Đã triển khai hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Hiện nay Công ty đang khiếu kiện ra toà án yêu cầu sở, ngành bồi thường thiệt hại kinh tế do dự án chậm được triển khai (do dự án chậm được xác định giá đất...).

Do đó, sau khi có kết quả xử lý của Toà án nhân dân tỉnh, thì kiến nghị áp dụng Nghị quyết 170/2024/QH15 để tháo gỡ.

2. Đối với nhóm 34 dự án⁵ đã được giao đất, cho thuê đất (một phần hoặc toàn bộ nhưng chưa có kết luận thanh tra, kiểm tra cho nên chưa đủ cơ sở áp dụng khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 170/2024/QH15, mục 14 Nghị quyết số 265/2025/QH15, Nghị quyết 17/NQ-CP) kiến nghị giao Thanh tra tỉnh xem xét thực hiện thanh tra hoặc kiểm tra để báo cáo Bộ Tài chính chấp thuận cho áp dụng các giải pháp do Quốc hội, Chính phủ tháo gỡ (Chi tiết tại Mục 2 Phụ lục 03).

Qua rà soát đối với nhóm 34 dự án khu dân cư này có diện tích khoảng 464 ha và tổng vốn đầu tư đăng ký dự kiến khoảng 10.474 tỷ đồng (tổng vốn đầu tư chưa được cập nhật điều chỉnh lại do vướng mắc nên chưa được điều chỉnh dự án). Theo đó, 34 dự án này có tính chất pháp lý tương tự như 02 dự án (Dự án xây dựng khu dân cư theo quy hoạch của Công ty Cổ phần Nông sản Đông Việt và Dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại xã An Phước của Công ty TNHH Xây dựng Nông nghiệp Thái Thành Tài) trong Kế hoạch Thanh tra số 1505/KH-TTTP ngày 22/7/2025 của Thanh tra Chính phủ và Thanh tra tỉnh thực hiện thanh tra và đã kết luận, kiến nghị Thanh tra Chính phủ tổng hợp khó khăn, vướng mắc chung theo Kế hoạch số 1505/KH-TTTP ngày 22/7/2025 của Thanh tra Chính phủ, đề xuất Ban Chỉ đạo 751, Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ trình Chính phủ ban hành danh mục dự án, đất đai theo quy định tại Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV là cơ sở cho phép áp

⁵ Có tính chất tương tự Kết luận 508/KTNN-TH ngày 31/12/2020 hoặc Kết luận 2299/KL Có tính chất tương tự Kết luận số 2299/KL-TTTP của Thanh tra Chính phủ đã được Thanh tra tỉnh Thanh tra và kết luận đối với một số dự án theo Kế hoạch số 1505/KH-TTTP ngày 22/7/2025 của Thanh tra Chính phủ.

dụng tương tự khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 170/2024/QH15 của Quốc hội để xử lý đối với 02 dự án nêu trên.

Đối với 34 dự án này (*Đồng Nai cũ 30, Bình Phước 04*) phần lớn đã được nhà đầu tư triển khai, kinh doanh một phần hoặc toàn bộ dự án và đã kinh doanh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nhà đầu tư đến đầu tư, xây dựng nhà ở và sinh sống... Tuy nhiên, hiện nay các dự án này chưa được được đầu tư hoàn thành dự án (*chủ yếu các hạng mục xã hội như: xử lý nước thải, công viên, trường học, trung tâm văn hoá, ...cho nên chưa đủ điều kiện nghiệm thu hoàn công và bàn giao về cho địa phương*) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân đã mua đất, mua nhà tại dự án hoặc một số dự án đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân thì việc thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà của người dân là không khả thi.

Do đó, trường hợp các dự án này không được tiếp tục triển khai để các nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân thì sẽ ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của khách hàng đã mua đất, nhà tại các dự án; sẽ có nguy cơ phát sinh khiếu nại, khiếu kiện tập thể của khách hàng và các nhà đầu tư đối với các cơ quan hành chính nhà nước trong trường hợp dự án bị thu hồi hoặc chấm dứt.

Bên cạnh đó, trong trường hợp 34 dự án bị thu hồi, chấm dứt thì có nguy cơ các nhà đầu tư (khách hàng mua sản phẩm của dự án) sẽ tiến hành thực hiện thủ tục tố tụng hành chính đối với các Quyết định hành chính của UBND tỉnh, nếu trường hợp việc thu hồi không đảm bảo thì phải thực hiện trách nhiệm bồi thường nhà nước cho nhà đầu tư và phát sinh khiếu nại, khiếu kiện tập thể của các khách hàng mua sản phẩm của dự án, sinh sống tại dự án sẽ có nguy cơ tạo ra các điểm nóng (do giá bất động sản đã tăng nhiều so với thời điểm khách hàng mua đất, nhà của dự án).

Do đó, trên cơ sở quy định về điều kiện để áp dụng khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 170/2024/QH15, mục 14 Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thì dự án phải được kết luận thanh tra hoặc kiểm tra các sai phạm (nếu có) đối với các dự án này mới đủ cơ sở và điều kiện để được tháo gỡ.

3. Đối với nhóm 24 dự án đã thực hiện thủ tục bồi thường GPBM nhưng chưa được giao đất, cho thuê đất có tính chất tương tự KL 508/KTNN-TH

Các dự án này đã được các nhà đầu tư tạm ứng nguồn kinh phí của doanh nghiệp và chuyển cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất cấp huyện để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, chi trả cho người dân có đất bị thu hồi để thực hiện dự án, tuy nhiên đến nay chưa được giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án.

Việc thu hồi các dự án này để đấu giá quyền sử dụng đất (từ nguồn kinh phí do nhà đầu tư tạm ứng để bồi thường) là có cơ sở về mặt pháp lý theo quan điểm của Kiểm toán Nhà nước tại Kết luận 508/KTNN-TH “...việc tỉnh Đồng Nai chỉ định chủ đầu tư dự án đầu tư phát triển nhà ở thương mại chưa đúng với quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 22 Luật Nhà ở và **giao đất sạch không qua đấu giá quyền sử dụng đất, trái quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013**” nhưng không đảm bảo tính khả thi trong thực tế và có nguy cơ phát sinh khiếu kiện về mặt hành chính đối với các quyết định thu hồi dự án để đấu giá quyền sử dụng đất, trong trường hợp quyết định thu hồi dự án và đấu giá quyền sử dụng đất không đảm bảo sẽ có nguy cơ phát sinh bồi thường nhà nước đối với cơ quan thu hồi (UBND tỉnh).

Việc tiếp tục bồi thường hoàn thành để thực hiện đấu thầu lựa chọn lại nhà đầu tư sẽ có nguy cơ phát sinh tranh chấp giữa nhà đầu tư đã ứng kinh phí để bồi thường với nhà đầu tư trúng đấu giá (nếu không trúng đấu thầu) và phát sinh tranh chấp lợi ích kinh tế. Đồng thời, do một số dự án đã hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng 100% theo quan điểm của Kiểm toán Nhà nước tại Kết luận 508/KTNN-TH thì thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai cho nên việc thực hiện đấu thầu lựa chọn lại nhà đầu tư đối với nhóm dự án này không đảm bảo cơ sở pháp lý và chưa đảm bảo hài hoà giữa cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị ứng kinh phí. Bên cạnh đó, việc cho phép nhà đầu tư tiếp tục thực hiện dự án, để tiếp tục thực hiện thủ tục đất đai, xây dựng đối với dự án sẽ không đảm bảo tính pháp lý.

Do đó, đối với nhóm 24 dự án này kiến nghị UBND tỉnh tiếp tục kiến nghị Ban Chỉ đạo 751 xem xét, xin cơ chế đặc thù của cấp có thẩm quyền để tháo gỡ.

Sở Tài chính kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: NNMT, XD, CT, TP.
- Thanh tra tỉnh;
- Công an tỉnh và Bộ CHQS tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KTN (NvQuang).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Vũ Hoài Hạ

THÔNG BÁO

Kết luận phiên họp Thường trực UBND tỉnh ngày 02/3/2026

Ngày 02/3/2026, tại Trụ sở Khôi nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Út đã chủ trì phiên họp Thường trực UBND tỉnh để xem xét một số nội dung theo báo cáo của các sở ngành.

Thành phần dự họp gồm: Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh: Nguyễn Kim Long, Nguyễn Thị Hoàng, Hồ Văn Hà (*vắng có lý do Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trường Sơn*); các Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy UBND tỉnh: Phạm Thụy Luân, Nguyễn Văn Dũng; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Xây dựng, Dân tộc và Tôn giáo, Ngoại vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Phó Giám đốc Sở Xây dựng Đỗ Thành Phương; Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Trần Trọng Toàn; Phó Chánh Thanh tra tỉnh Phạm Ngọc Hà; các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh: Đinh Thị Dạ Thảo, Nguyễn Văn Nguyên, Nguyễn Minh Hoàng và lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

Sau khi nghe lãnh đạo các sở ngành báo cáo các nội dung liên quan; ý kiến phát biểu của các thành phần dự họp; Thường trực UBND tỉnh đã thảo luận, thống nhất như sau:

1. Về đề xuất dự án đầu tư xây dựng Trung tâm chính trị - hành chính tỉnh theo phương thức đối tác công tư

Giao Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hồ Văn Hà làm việc với Nhà đầu tư có liên quan để thống nhất phương thức đầu tư cụ thể, tham mưu UBND tỉnh trình Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương thực hiện.

2. Về xác định thời gian cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức phân lô bán nền phải hoàn thành việc xây dựng nhà ở tại dự án Khu dân cư Bảo Vinh tại phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh (nay là phường Bảo Vinh)

Giao Sở Xây dựng chủ trì cùng Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, UBND phường Bảo Vinh làm việc cụ thể với Công ty Cổ phần Bất động sản Mỹ rà soát hồ sơ, phương án đấu giá quyền sử dụng đất, Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, Quyết định phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy định pháp luật có liên quan và tình hình thực tế địa phương, thống nhất về thời gian cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức phân lô bán nền phải hoàn thành việc xây dựng nhà ở tại dự án Khu dân cư Bảo Vinh tại phường Bảo Vinh, tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

3. Về 19 mô cấp phép thăm dò sau ngày 01/7/2011 trên địa bàn tỉnh

Bình Phước (cũ)

Trên cơ sở báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường, giao đồng chí Lê Trường Sơn - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Tổ trưởng Tổ Công tác thành lập theo Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh tổng rà soát sự phù hợp quy định pháp luật trước khi trình UBND tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh xem xét.

4. Về định hướng sắp xếp, kiện toàn tổ chức khai thác công trình thủy lợi phù hợp với sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và mô hình tổ chức chính quyền đại phương 02 cấp

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức khai thác công trình thủy lợi phù hợp với sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và mô hình tổ chức chính quyền đại phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh, tham mưu UBND tỉnh theo quy định.

5. Về chủ trương hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Nai lần thứ I, nhiệm kỳ 2026 - 2031

Thông nhất trình Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, chấp thuận chủ trương hỗ trợ số tiền theo đề xuất của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Công văn số 24/SĐTTG-TGTN ngày 27/02/2026 để tổ chức Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Nai lần thứ I, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

6. Về dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển toàn diện tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2065

Việc xây dựng Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển toàn diện tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2065 là nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng. Do đó, yêu cầu các Thành viên UBND tỉnh, Lãnh đạo các sở, ngành, Thành viên Tổ Công tác theo Quyết định số 451-QĐ/TU ngày 27/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung tâm huyết, trí tuệ tích cực nghiên cứu, có văn bản tham gia xây dựng dự thảo Nghị quyết, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng thời hạn quy định.

Trên đây là kết luận phiên họp Thường trực UBND tỉnh ngày 02/3/2026. UBND tỉnh thông báo đến các sở, ngành, đơn vị có liên quan biết và triển khai thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành phần dự họp;
- Văn phòng Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, các phòng.

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
RHO CHÁNH VĂN PHÒNG



Đinh Thị Dạ Thảo